Thân Loan Thánh Nhân trứ tác

NGU NGỐC SAO

愚禿鈔

Quảng Minh dịch

DẪN NHẬP

Ngu Ngốc Sao［愚禿鈔] (Gutoku-shō), cũng gọi Nhị Quyển Sao (二巻鈔), một tác phẩm hai quyển, viết năm 1255 của Thân Loan, người sáng lập Tịnh độ Chân tông (Jōdo Shin) ở Nhật Bản, được thu vào Đại Chánh Tạng tập 83. Thân Loan đã tự xưng Ngu Ngốc (Gutoku), với nghĩa là "Tăng sĩ ngu dốt", sau khi bị đày đến Echigo vào năm 1207.

Hiện tại không có bản Ngu Ngốc Sao nào là bản chân tích của Thân Loan Thánh nhân, nhưng có một số bản chép tay, trong đó có hai bản đại diện: (1) Tồn Giác Thượng Nhân Thư Tả Bản (存覺上人書寫本), tàng bản ở chùa Thường Lạc ở Kyoto, và (2) Hiển Trí Thượng Nhân Thư Tả Bản (顯智上人書寫本) thuộc sở hữu của chùa Chuyên Tu ở Cao Điền.

Bản Tồn Giác có hai quyển thượng và hạ, và phần cuối hai quyển đều có ghi dòng chữ "*Viết vào niên hiệu Kiến Tường thứ 7, ngày 27 tháng 8 năm Ất Mão (1255), Ngu Ngốc Thân Loan, 83 tuổi*." Quyển hạ của bản này được sao chép vào ngày 25 tháng 12 năm 1340, khi Tồn Giác Thượng nhân 51 tuổi, và quyển thượng được sao chép vào ngày 11 tháng 9 năm 1342, khi ông 53 tuổi. Bản gốc của Tồn Giác Thượng nhân được cho là sao chép từ chân tích của Thân Loan, nhưng người ta cho rằng bản này có nhiều sai sót. Bản Tồn Giác là nguyên mẫu cho các bản lưu bố về sau.

Bản Hiển Trí gồm có ba quyển: thượng, hạ và hạ mạt, và chỉ có một chỗ cuối quyển thượng ghi dòng chữ "*Kiến Trường thứ 7*". Đây là bản sao cổ nhất còn

sót lại của tác phẩm này và được sao chép vào ngày 6 tháng 10 năm 1293, 31 năm sau khi Thân Loan viên tịch, lúc Hiển Trí Thượng nhân ở tuổi 68.

Phiên bản được xuất bản trong Thân Loan Thánh Nhân Toàn Tập (親鸞聖人全集), Tập II, bao gồm cả Bản Tồn Giác và bản Hiển Trí. Bản Tồn Giác được làm bản đáy trong Chân Tông Thánh Giáo Toàn Thư (真宗聖教全書), tập II, có đối chiếu hiệu đính với các bản: Liên Như Thư Tả Bản (蓮如書寫本) của chùa Tây Bản Nguyện, Vĩnh Hưởng Lục Niên Thư Tả Bản (永享六年書寫本) của chùa Tịnh Hưng ở Việt Hậu, và Minh Trị Tam Thư Hợp Bản Sở Thu Bản (明治版三書合本所収本).

Ngu Ngốc Sao, số hiệu 2648, Đại Chánh Tạng, Tập 83, sử dụng Giác Như Thư Tả Bản (覺如書寫本) làm bản đáy, tàng bản ở chùa Bản Niệm ở Năng Đăng, và được hiệu đính bằng các bản: Hiển Trí Thư Tả Bản, Tồn Giác Thư Tả Bản và Cổ Kiều Nguyện Đắc Tự Tàng Bản (古橋願得寺藏本).

Sách này có thể được xem là tác phẩm phán thích giáo tướng của Tịnh độ Chân tông Nhật Bản. Sách chủ trương thuyết Nhị song tứ trùng, chia Phật giáo thành Đại thừa, Tiểu thừa. Đại thừa lại được chia thành Đốn giáo và Tiệm giáo; Đốn giáo lại được chia ra Nan hành, Dị hành và Hoành siêu, Thụ siêu. Còn Tiệm giáo thì được chia thành Nan hành, Dị hành và Hoành xuất, Thụ xuất.

Tác phẩm này bao gồm hai quyển: thượng và hạ. Quyển thượng liên quan đến việc phân loại giáo lý Phật giáo và khẳng định rằng tất cả những giáo lý khác ngoài những giáo lý liên quan đến Bản nguyện của Đức Phật A Di Đà đều là Phương tiện Giả môn, chỉ Bản nguyện Nhất thừa mới là tuyệt đối. Quyển hạ dạy về

sự an tâm, Thân Loan kể lại lời giải thích của Đại sư Thiện Đạo (613-681) trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ về Ba tâm (chí thành tâm, thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm), đồng thời diễn đạt nghĩa lý của mình, chủ trương nên xả bỏ ba tâm của tự lực, quay về ba tín (thuần tâm, nhất tâm và tương tục tâm) của tha lực, và thí dụ 'hai sông nước lửa' được diễn giải chi tiết.

Dưới mỗi tựa đề của quyển thượng và quyển hạ đều viết:
"*Lắng nghe tín của các bậc hiền giả*
Bày tỏ tâm của kẻ ngu ngốc.
Tín của các bậc hiền giả thì trong hiền, ngoài ngu.
Tâm của kẻ ngu ngốc thì trong ngu, ngoài hiền."

Ý định soạn thuật Ngu Ngốc Sao là để bày tỏ nỗi đau buồn của kẻ ngu ngốc là Thân Loan, thông qua việc lắng nghe tín tâm của các bậc hiền giả. Thân Loan Thánh nhân tự nhận mình là Ngu Ngốc Thích Thân Loan, Ngu Ngốc Loan hay Ngu Ngốc Thích Loan. Tín của các bậc hiền giả là chỉ cho tín tâm của Bảy bậc Thầy mà Thân Loan tôn kính. Tín tâm của các bậc hiền giả là niềm tin sâu xa ở nội tâm về cái đức của "Bản nguyện Phật trí", nhưng nội tâm của các bậc hiền giả không biểu hiện bên ngoài. Ngược lại, tâm trí của Thân Loan, gã đầu trọc ngu ngốc, lại nông cạn và tỏ ra có thái độ khôn ngoan với thế giới bên ngoài.

Ngu Ngốc Sao được coi là một trong những bảo điển trọng yếu nhất của Tịnh độ Chân tông.

Vía Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Thành Đạo
San Francisco, 18/1/2024
Phật tử Quảng Minh kính ghi

NGU NGỐC SAO

No. 2648

QUYỂN THƯỢNG

Lắng nghe tín của các bậc hiền giả
Bày tỏ tâm của kẻ ngu ngốc.
Tín của các bậc hiền giả thì trong hiền, ngoài ngu.
Tâm của kẻ ngu ngốc thì trong ngu, ngoài hiền.

[1]

Thánh đạo Tịnh độ giáo có hai giáo:

(1) Đại thừa giáo.

(2) Tiểu thừa giáo.

[2]

Đại thừa giáo có hai giáo:

(1) Đốn giáo.

(2) Tiệm giáo.

[3]

Đốn giáo lại có Nhị giáo và Nhị siêu.

Nhị giáo:

(1) *Nan hành Thánh đạo chân thật giáo*, cái gọi là giáo pháp của Phật Tâm, Chân Ngôn, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, v.v.

(2) *Dị hành Tịnh độ Bản nguyện chân thật giáo*, là Kinh Đại Vô Lượng Thọ, v.v.

Nhị siêu:

(1) *Thụ siêu*: "tức thân thị Phật, tức thân thành Phật"[1] mà chứng quả.

(2) *Hoành siêu*: tuyển trạch bản nguyện, chân thật Báo độ, liền được vãng sanh.

[4]

Tiệm giáo lại có Nhị giáo và Nhị xuất.

Nhị giáo:

(1) *Nan hành đạo*: giáo pháp của Thánh đạo môn, trải qua vô số kiếp tu hành, là quyền giáo, Pháp tướng, v.v.

(2) *Dị hành đạo*: giáo pháp của Tịnh độ yếu môn, là ý thú của Kinh Vô Lượng Thọ Phật, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, là định thiện tán thiện, tam phước cửu phẩm.

Nhị xuất:

---

[1] Tức thân thành Phật (卽身成佛, Sokushinjōbutsu): Theo lý tưởng tôn giáo của Mật Giáo, trong khi đang còn sống, người ta lấy ngay thân đang còn sống này mà đạt đến cảnh địa thành Phật, hoặc có khả năng thành Phật. Tam chủng tức thân thành Phật (三種即身成佛) Chỉ cho 3 nghĩa Tức thân thành Phật: Lý cụ, Gia trì và Hiển đắc, do tông Chân ngôn Nhật Bản thành lập. Ba nghĩa này đều là sự nghiệp tự nhiên, vô tác trong pháp giới bình đẳng, gọi chung là Tức thân thành Phật. Nói theo thứ tự dọc (tung) thì Lý cụ thông cả nhân quả phàm thánh; Gia trì thì suốt từ Sơ địa trở lên cho đến quả Phật, mỗi mỗi giai vị đều có đủ sự gia trì cảm ứng; Hiển đắc chỉ cho giai vị Đệ thập nhất địa viên cực. Còn nói theo ý nghĩa ngang (hoành) thì tâm bồ đề sẵn có của hành giả là Lý cụ; giáo môn của Bản tôn và Tam mật là Gia trì; nhân trong và duyên ngoài ứng hợp nhau thì công đức của Hải hội mạn đồ la hiện ra trước mắt là Hiển đắc. Nếu đem phối hợp với Tam đại thì Lý cụ là Thể, Gia trì là Tướng và Hiển đắc là Dụng.

(1) *Thụ xuất*: sự chứng đắc Thánh đạo phải trải vô số kiếp tu hành.

(2) *Hoành xuất*: sự vãng sanh Tịnh độ, Thai cung biên địa Giải mạn giới.[2]

[5]

Tiểu thừa giáo có nhị giáo:

(1) *Duyên giác giáo*:

(a) Lân dụ Độc giác.

(b) Bộ hành Độc giác.

(2) *Thanh văn giáo*: Bát bối (Thánh giả Tứ hướng Tứ quả)

(a) Sơ quả - Dự lưu hướng.

(b) Đệ nhị quả - Nhất lai hướng.

(c) Đệ tam quả - Bất hoàn hướng.

(d) Đệ tứ quả - A la hán hướng.

[6]

Chỉ trừ Tuyển trạch bản nguyện của A Di Đà Như Lai, chư giáo Đại tiểu, quyền thật, hiển mật đều là Nan hành đạo Thánh đạo môn. Lại nữa, giáo pháp của

---

[2] Biên địa giải mạn (邊地懈慢): Cứ theo Tịnh độ Chân tông của Nhật Bản, thì Đức Phật A Di Đà hóa hiện ra hai cõi nước là Biên địa và Giải mạn. Biên địa là cõi nước dành cho những người tu hành mà lòng còn nghi ngờ trí của Phật được sinh đến. Giải mạn là gọi tắt của Giải mạn giới, là nơi dành cho người tu hành yếu môn (pháp môn trọng yếu) được sanh đến. Lại nữa, Biên địa tức là Nghi thành, Thai cung nói trong kinh Vô Lượng Thọ, là nơi của những người tự lực niệm Phật được sanh tới, đúng với điều nguyện thứ 20 của Đức Phật A Di Đà. Còn Giải mạn giới nói trong kinh Bồ Tát Xử Thai quyển 3, thì là nơi của những người tu muôn hạnh lành được sanh đến, đúng với điều nguyện thứ 19 của Đức Phật A Di Đà.

Dị hành đạo Tịnh độ môn được gọi là Tịnh độ hồi hướng phát nguyện[3] tự lực phương tiện giả môn[4]. Nên biết như vậy.

[7]

Theo Đại Kinh, **tuyển trạch** có ba thứ:

(1) *Pháp Tạng Bồ tát*:

- (a) Tuyển trạch bản nguyện.
- (b) Tuyển trạch Tịnh độ.
- (c) Tuyển trạch nhiếp sanh.
- (d) Tuyển trạch chứng quả.

(2) *Thế Nhiêu Vương Phật*:

- (a) Tuyển trạch bản nguyện.
- (b) Tuyển trạch Tịnh độ.
- (c) Tuyển trạch tán thán.
- (d) Tuyển trạch chứng thành.

(3) *Thích Ca Như Lai*:

Tuyển trạch Di Lặc Bồ tát để phó chúc.

---

[3] Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật: "Nếu có chúng sinh nguyện sinh quốc độ kia mà phát ba thứ tâm liền được vãng sinh. Những gì là ba tâm? Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm và ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Người đủ ba tâm này ắt sinh quốc độ kia."

[4] Chân giả nhị môn (真假二門): Chân môn và Giả môn nói gộp lại. Thuật ngữ của Chân tông Nhật Bản dùng để phán giáo. Tức một pháp niệm Phật là Chân môn, còn muôn hạnh thiện khác là Giả môn. Giả môn, là pháp môn Định tán nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, tức Định thiện và Tán thiện thu nhiếp giáo pháp một đời vào môn hoằng nguyện niệm Phật phương tiện, đây là ý trong nguyện thứ 19, gọi là Phương tiện giả môn. Chân môn, kinh A di đà nói danh hiệu thiện bản đức bản, tức kinh này bỏ muôn hạnh thiện khác, mà quay về một hạnh niệm Phật, để trừ tâm hoài nghi về tự lực, đây theo ý trong nguyện 20, gọi là Chân môn. Và hai môn này đều hòa nhập vào Tha lực hoằng nguyện phương tiện thứ 18.

[8]

Theo Quán Kinh, **tuyển trạch** có hai thứ:

(1) *Thích Ca Như Lai*:

(a) Tuyển trach công đức.

(b) Tuyển trạch nhiếp thủ.

(c) Tuyển trạch tán thán.

(d) Tuyển trạch hộ niệm.

(e) Tuyển trạch A Nan tôn giả để phó chúc.

(2) *Phu nhân Vi Đề Hy*:

(a) Tuyển trạch Tịnh độ.

(b) Tuyển trạch căn cơ Tịnh độ.

[9]

Theo Tiểu Kinh, Khuyến tín có hai, Chứng thành có hai, Hộ niệm có hai, Tán thán có hai, và Nan dị có hai.

(1) ***Khuyến tín***:

(a) Thích Ca khuyến tín.

(b) Chư Phật khuyến tín.

(2) ***Chứng thành***:

(a) Công đức chứng thành: Thích Ca có hai và chư Phật có hai.

(b) Vãng sanh chứng thành.

(3) ***Hộ niệm***:

(a) Chấp trì hộ niệm: Thích Ca hộ niệm và chư Phật hộ niệm.

(b) Phát nguyện hộ niệm: chư Phật hộ niệm.

(4) ***Tán thán***:

(a) Thích Ca tán thán, có hai.

(b) Chư Phật tán thán, có hai.

(5) ***Nan dị***:

(a) Nan: nghi tình.

(b) Dị: tín tâm.

Chấp trì có ba: đã chấp trì, đang chấp trì và sẽ chấp trì.

Phát nguyện có ba: đã phát nguyện, đang phát nguyện và sẽ phát nguyện.

[10]

Theo Pháp Sự Tán, có ba thứ **vãng sanh**:

(1) Nan tư nghị vãng sanh [tông chỉ của Đại Kinh.]

(2) Song thọ lâm hạ vãng sanh [tông chỉ của Quán Kinh.]

(3) Nan tư vãng sanh [tông chỉ của Kinh Di Đà.]

[11]

Đại Kinh nói, **chứng thành ba thân** của bản nguyện.

(1) *Pháp thân chứng thành*: Kinh nói, "Trên hư không khen rằng, 'Quyết định thành Vô thượng Chánh giác'."[5]

(2) *Báo thân chứng thành*: "Mười phương Như Lai."

(3) *Hóa thân chứng thành*: "Thế Nhiêu Vương Phật."

[12]

Phật độ có hai thứ:

(1) Đức Phật.

---

[5] Đại Kinh: "Tỳ Kheo Pháp Tạng nói kệ xong, khắp mặt đất liền chấn động sáu cách. Trời mưa hoa đẹp rải trên mình Ngài. Âm nhạc tự nhiên trên hư không khen rằng: Quyết định chắc thành Vô thượng Chánh giác."

(2) Tịnh độ.

[13]

Phật có bốn thứ:

(1) Pháp thân.

(2) Báo thân.

(3) Ứng thân.

(4) Hóa thân.

[14]

Pháp thân có hai thứ:

(1) Pháp tánh pháp thân.

(2) Phương tiện pháp thân.

[15]

Báo thân có ba thứ:

(1) Di Đà báo thân.

(2) Thích Ca báo thân.

(3) Mười phương chư Phật báo thân.

[16]

Ứng hóa có ba thứ:

(1) Di Đà ứng hóa thân.

(2) Thích Ca ứng hóa thân.

(3) Mười phương chư Phật ứng hóa thân.

[17]

Độ có bốn thứ:

(1) Pháp thân độ.

(2) Báo thân độ.

(3) Ứng thân độ.

(4) Hóa thân độ.

[18]

Báo độ có ba thứ:

(1) Di Đà báo độ.

(2) Thích Ca báo độ.

(3) Mười phương chư Phật báo độ.

[19]

Di Đà hóa độ có hai thứ:

(1) Nghi thành thai cung.

(2) Giải mạn biên địa.

[20]

Giáo pháp đốn cực đốn tốc viên dung viên mãn của Bản nguyện Nhất thừa: là giáo pháp Tuyệt đối bất nhị[6], là tuệ giác Nhất thật chân như.[7] Nên biết như vậy.

---

6 Tuyệt đối bất nhị (絶對不二), còn gọi tuyệt đãi bất nhị (絶待不二): Không có so sánh với cái khác. Trái ngược với tuyệt đối là tương đối, tương đãi. Bất nhị (không hai) là giúp chỉ rõ nghĩa tuyệt đối. Chân tông của Nhật Bản lấy niệm Phật làm pháp Nhất thừa Bản nguyện, còn các pháp khác là phương tiện quyền giả.

7 Thiên Thai tông lập Tứ giáo: (1) Tạng giáo; (2) Thông giáo; (3) Biệt giáo; (4) Viên giáo. Hiền Thủ tông lập Ngũ giáo: (1) Tiểu thừa giáo; (2) Đại thừa thỉ giáo; (3) Chung giáo; (4) Đốn giáo; (5) Viên giáo. Sự phán giáo tuy có khác nhau, nhưng đốn giáo và tiệm giáo được chư gia công nhận. Tịnh Ảnh Sớ nói: "Nay

[21]

Sự thực hành hiếm có bậc nhất, đó là "chuyên trong chuyên, [đốn trong đốn], chân trong chân, viên trong viên".

[22]

Nhất thừa nhất thật đại thệ nguyện hải[8] là ***Kim cương chân tâm vô ngại tín hải***[9]. Nên biết như vậy.

[23]

Sớ rằng:

"*Con nương Bồ tát tạng*
Biển nhất thừa đốn giáo."[10]

[24]

---

kinh này là pháp môn đốn giáo cho người căn tánh thành thục. Vì sao biết đốn? Kinh này chánh vì hạng phàm phu chán sợ sanh tử, vì người cầu chánh định tụ, dạy bảo phát tâm, sanh về tịnh độ, và không từ tiểu nên là đại, nên biết là đốn." Đại Hựu pháp sư có phán giáo Tiểu Bản rằng: "Tiệm đốn phân chia, kinh này thuộc đốn giáo." (漸頓分之，此屬頓教.) Chư vị tổ sư ở Trung Quốc, phân bản kinh làm hai bản đại và tiểu, đa số đều đồng ý thuyết này, tức bản kinh thuộc về đốn giáo. Dùng ngũ giáo của Hiền Thủ tông làm tiêu chuẩn, chư vị tổ sư của Tịnh độ tông từ xưa đến nay, vì cơ duyên bất đồng mà dùng từ có khác, nhưng không ai không cho Bản kinh thuộc về viên giáo. Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Chân Giải (佛說無量壽經甄解) gọi Bản kinh là: "Chuyện trong chuyên, đốn trong đốn, chân trong chân, viên trong viên." (專中之專，頓中之頓，真中之真，圓中之圓.)

8 Nhất thừa nhất thật đại thệ nguyện hải (一乘一實大誓願海): Biển cả đại thệ nguyện của nhất thật chân như, nhất Phật thừa.

9 Kim cương chân tâm vô ngại tín hải (金剛眞心無礙信海): Biển cả đức tin vô ngại bằng cái tâm chân thật, cứng chắc như kim cương.

10 Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (觀無量壽佛經疏), No. 1753, 4 quyển, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển 1, tr. 246a05.

Tán rằng:

"*Trong kinh Anh Lạc nói Tiệm giáo*
Vạn kiếp tu công chứng Bất thối.
Quán Kinh, Di Đà Kinh đều nói
Chính là Bồ tát tạng Đốn giáo."[11]

[25]

Viên đốn: Viên, là viên dung, viên mãn. Đốn, là đốn cực, đốn tốc.

[26]

Nhị giáo đối:

(1) Giáo pháp đốn cực đốn tốc, viên dung viên mãn của Bản nguyện nhất thừa hải. Nên biết như vậy.

(2) Giáo pháp tam phước cửu phẩm, định tán nhị thiện, phương tiện giả môn của Tịnh độ yếu môn. Nên biết như vậy.

(1) Nan dị đối.[12] (2) Hoành thụ đối. (3) Đốn tiệm đối. (4) Siêu thiệp đối.[13] (5) Chân ngụy đối. (6) Thuận nghịch đối. (7) Thuần tạp đối.[14]

---

[11] Y Quán Kinh Đẳng Minh Bán Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sanh Tán (依觀經等明般舟三昧行道往生讃), No. 1981, 1 quyển, Sa môn Thiện Đạo soạn, tr. 448c03.

[12] Nan hành dị hành đối: chư hành là nan hành, niệm Phật là dị hành. Vãng Sanh Yếu Tập nói: "Nay khuyên niệm Phật, chẳng phải là ngăn cấm những diệu hạnh khác; chỉ là nam nữ giàu nghèo, chẳng lựa đi đứng ngồi nằm, không kể thời xứ chư duyên, ai cũng thực hành niệm Phật được, không có khó khăn, cho đến lúc lâm chung vẫn nguyện cầu vãng sanh. Được tiện nghi ấy không gì hơn niệm Phật."

[13] Siêu thiệp đối: Siêu là nhảy vọt, vượt thoát. Thiệp là lội bộ, đi bộ.

[14] Hai hành chánh trợ. Chánh là thuần hành – hạnh thuần Cực Lạc. Trợ là tạp hành – hạnh chẳng thuần Cực Lạc.

(8) Tà chánh đối. (9) Thắng liệt đối. (10) Thân sơ đối.[15] (11) Đại tiểu đối. (12) Đa thiểu đối. (13) Trọng khinh đối. (14) Thông biệt đối. (15) Thẳng quanh đối. (16) Nhanh chậm đối. (17) Rộng hẹp đối. (18) Cận viễn đối.[16] (19) Liễu bất liễu giáo đối. (20) Đại lợi tiểu lợi đối. (21) Vô thượng hữu thượng đối. (22) Bất hồi hướng hồi hướng đối.[17] (23) Tự thuyết bất tự thuyết đối.[18] (24) Hữu nguyện vô nguyện đối. (25) Hữu thệ vô thệ đối. (26) Tuyển bất tuyển đối. (27) Tán bất tán đối. (28) Chứng bất chứng đối. (29) Hộ bất hộ đối. (30) Nhân minh trực biện đối. (31) Lý tận phi lý tận đối. (32) Vô gián hữu gián đối. (33) Tương tục bất tương tục đối. (34) Thối bất thối đối. (35) Đoạn bất đoạn đối. (36) Nhân hành quả đức đối. (37) Pháp diệt bất diệt đối. (38) Tự lực tha lực đối. (39) Nhiếp thủ bất nhiếp đối. (40) Nhập định tụ bất nhập đối. (41) Tư bất tư nghị đối. (42) Báo hóa nhị độ đối.

Trên đây là **42 cặp đối về Giáo pháp**. Nên biết như vậy.

---

[15] Những người tu tạp hạnh, ba nghiệp của họ và Phật thường rời bỏ nhau, nên gọi là Sơ hành (疏行, hành sơ sài). Chúng sanh khi khởi sự tu hành, miệng thường niệm Phật, Phật sẽ nghe đó; thân thường kính lễ Phật, Phật sẽ thấy đó; tâm thường nghĩ nhớ Phật, Phật liền biết đó. Khi chúng sanh ức niệm Phật, Phật cũng ức niệm chúng sanh. Ba nghiệp của Phật và chúng sanh không rời bỏ nhau, nên gọi là thân duyên (親緣, duyên tố thân thuộc).

[16] Tu tạp hành thì cách xa Đức Phật A Di Đà. Chúng sanh nguyện thấy Phật, thì Phật liền ứng niệm mà hiện ở trước mắt, đó gọi là cận duyên (近緣, duyên tố gần gũi). Khi hành giả xưng danh hiệu Phật, Đức Phật A Di Đà liền sai khiến hóa chúng, thích ứng âm thanh mà hiện đến. Đức Phật A Di Đà đứng ở trên hư không, nếu hành giả hồi tâm chánh niệm, nguyện sanh về quốc độ Cực Lạc, thì lập tức được vãng sanh.

[17] Người tu hai hạnh chánh trợ, dù không dùng hồi hướng cũng tự nhiên trở thành nghiệp vãng sanh. Người tu tạp hạnh phải dùng thời gian hồi hướng để thành tựu nhân vãng sanh, nếu không dùng thời gian hồi hướng sẽ không thành tựu nhân vãng sanh.

[18] Kinh A Di Đà rất đặc biệt, vô vấn tự thuyết, tức là không có ai khải thỉnh, Đức Phật gọi tên ngài Xá Lợi Phất để nói.

[27]

Chân thật tịnh tín tâm là nội nhân.

Nhiếp thủ bất xả là ngoại duyên.

[28]

Tín thọ bản nguyện, tức là 'niệm trước mạng chung'.[19]

"*Liền nhập vào hàng Chánh định tụ*." (Luận Chú)

"*Tức thời nhập Tất định.*"

"*Còn gọi là Tất định Bồ tát*." (Thập Trụ Tỳ-bà-sa Luận)

Tức đắc vãng sanh, tức là 'niệm sau liền sanh'.[20]

Đó là **Tha lực Kim cương tâm**.[21]

Nên biết như vậy.

[29]

[Một niệm vãng sanh] **liền ngang hàng với Bồ tát Di Lặc**[22].

Đó là **Tự lực Kim cương tâm**.

---

[19] Tín thọ bản nguyện của Đức PHật A Di Đà là tâm niệm trọn đời của hành giả tu niệm Phật.

[20] Vãng Sanh Lễ Tán Kệ (往生禮讃偈), No. 1980, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 439c03: "Ngưỡng mong tất cả người tu vãng sanh, phải khéo léo tự suy nghĩ. Nay bản thân đã nguyện sanh Cực Lạc, thì đi đứng ngồi nằm đều nên nỗ lực khắc kỷ, ngày đêm chớ phế bỏ, trọn đời làm hạn kỳ. Trên thân thể dường như có chút khổ, nhưng niệm trước mạng chung, niệm sau liền sanh về cõi kia. Trường thời vĩnh kiếp, thường thọ pháp lạc vô vi, cho đến khi thành Phật, không còn chịu khổ sanh tử, há chẳng vui sướng sao?"

[21] Chánh Tín Kệ: "Khai nhập bản nguyện đại trí hải, Hành giả chánh thọ Kim cương tâm."

[22] Long Thư Tăng Quảng Tịnh Độ Văn (龍舒增廣淨土文): "Vương Nhật Hưu nói: - Tôi nghe kinh Vô Lượng Thọ nói: 'Chúng sanh nghe danh hiệu Đức Phật ấy, tín tâm hoan hỷ, dù chỉ một niệm, nguyện sanh nước ấy, liền được vãng sanh, trú Bất thối chuyển.' Bất thoái chuyển: Phạn ngữ là A-duy-việt-trí. Kinh Pháp Hoa cho rằng đó là Báo địa mà Bồ-tát Di Lặc đạt được. Một niệm vãng sanh liền ngang hàng với Bồ-tát Di Lặc. Lời Phật không hư dối. Kinh này là đường tắt vãng sanh, là phép thần thoát khổ, chúng ta nên tin tưởng và tiếp nhận."

Nên biết như vậy.

Đại Kinh nói, "*Ngôi bậc như Di Lặc.*"[23]

[30]

Nhị cơ đối:

Căn cơ 'Nhất thừa viên mãn' – Tha lực.

Căn cơ 'Tiệm giáo hồi tâm' – Tự lực.

(1) Tín nghi đối. (2) Hiền ngu đối. (3) Thiện ác đối. (4) Chánh tà đối. (5) Thị phi đối. (6) Thật hư đối. (7) Chân ngụy đối. (8) Tịnh uế đối. (9) Đẹp xấu đối. (10) Diệu thô đối. (11) Lợi độn đối. (12) Chậm gấp đối. (13) Hiếm thường đối. (14) Mạnh yếu đối. (15) Thượng thượng hạ hạ đối. (16) Thắng liệt đối. (17) Trực nhập hồi tâm đối. (18) Minh ám đối.

Trên đây là **18 cặp đối về Hai căn cơ**. Nên biết như vậy.

[31]

Về hai thứ căn cơ, lại có hai thứ tánh.

Hai cơ:

(1) Thiện cơ.
(2) Ác cơ.

Hai tánh:

(1) Thiện tánh.
(2) Ác tánh.

[23] Đại Kinh: "Này Di Lặc! Ở thế giới này có sáu mươi bảy ức Bồ tát Bất thối vãng sanh nước kia. Mỗi Bồ tát này đã từng cúng dường vô số chư Phật, ngôi bậc như Di Lặc vậy. Còn hàng tiểu Bồ tát và người tu tập chút ít công đức thì chẳng thể xưng kể, đều sẽ vãng sanh."

[32]

Lại nữa, thiện cơ có hai thứ (lại có bàng chánh cơ):

(1) Định cơ.

(2) Tán cơ.

Sớ rằng: "*Căn cơ của tất cả chúng sanh có hai thứ: 1. Định; 2. Tán*."[24]

[33]

Lại có **bàng chánh cơ**:

(1) Bồ tát đại tiểu.

(2) Duyên giác.

(3) Thanh văn, Bích chi, v.v., là bàng cơ của Tịnh độ.

(4) Chư thiên.

(5) Nhân loại, là chánh cơ của Tịnh độ.

[34]

Lại nữa, về **thiện tánh** có năm thứ:

(1) Thiện tánh.

(2) Chánh tánh.

(3) Thật tánh.

(4) Thị tánh.

(5) Chân tánh.

[35]

Lại nữa, về **ác cơ** có bảy thứ:

(1) Thập ác.

[24] Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, Tự phần nghĩa, tr. 259a20.

(2) Tứ trọng.

(3) Phá kiến.

(4) Phá giới.

(5) Ngũ nghịch.

(6) Báng pháp.

(7) Xiển đề.

[36]

Lại nữa, về **ác tánh** có năm thứ:

(1) Ác tánh.

(2) Tà tánh.

(3) Hư tánh.

(4) Phi tánh.

(5) Ngụy tánh.

[37]

Hòa thượng chùa Quang Minh nói:

"*Chúng đạo tục mọi thời*
Đều phát Vô thượng tâm
Sanh tử rất khó chán
Phật pháp lại khó thích
Cùng phát chí Kim cương
Hoành siêu đoạn tứ lưu. (…)
Chánh thọ Kim cương tâm
Tương ưng nhất niệm rồi

Là quả đức Niết bàn."[25]

[38]

Tịnh Độ Luận viết:

"*Thế Tôn con nhất tâm*
Quy mạng hết mười phương
Vô Ngại Quang Như Lai
Nguyện sinh An Lạc quốc. (…)
Con y Tu-đa-la
Tướng công đức chân thật
Thuyết nguyện kệ tổng trì
Tương ưng lời Phật dạy."

[39]

Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ [Tam tạng Khương Tăng Khải dịch] ghi:

"*Chớ nên sau khi Ta diệt độ mà sanh lòng nghi hoặc. Đời tương lai, lúc kinh pháp diệt tận, Ta dùng oai lực từ bi đặc biệt lưu kinh nầy lại một trăm năm, có chúng sanh nào gặp kinh này thì tùy ý họ nguyện cầu đều được độ thoát. Này Di Lặc! Đức Như Lai ra đời khó gặp khó thấy, kinh pháp của Phật khó được khó nghe. Các môn Ba la mật, các pháp thù thắng của Bồ Tát được nghe cũng khó. Gặp thiện tri thức nghe pháp mà làm được cũng là khó. Nếu nghe kinh này mà tin ưa thọ trì thì là khó trong khó, không gì khó hơn. Vì thế nên pháp của Ta, làm như vậy, nói như vậy, dạy như vậy, phải nên tin thuận y theo tu hành.*"[26]

[40]

---

[25] Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, No. 1753, quyển 1, phần Huyền Nghĩa, tr. 245c12.

[26] H.T Thích Trí Tịnh dịch.

Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai [Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi dịch] nói:

"*Như Lai thắng trí khắp hư không*
Ngữ nghĩa nói ra chỉ Phật ngộ
Thế nên những trí sĩ bác văn
Phải tin Ta dạy lời như thật."

[41]

Kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác [Tam tạng Bạch Diên dịch] nói:

"*Nhanh chóng vượt lên đến*
Thế giới tên An Lạc quốc
Cõi có vô lượng ánh sáng
Cúng dường nơi vô số Phật."

[42]

Kinh Phật Thuyết Chư Phật A Di Đà Tam Da Tam Phật Tát Lâu Phật Đàn Quá Độ Nhân Đạo [Tam tạng Chi Khiêm dịch] nói:

"*Sau khi Ta nhập Bát nê hoàn, kinh đạo chỉ lưu lại một ngàn năm. Sau một ngàn năm, kinh đạo mất hẳn. Vì lòng thương tưởng, Ta đặc biệt lưu lại kinh pháp này chỉ còn trăm năm. Hết một trăm năm mới mất hẳn. Có thể đắc đạo tùy thuộc sở nguyện nơi tâm.*"

[43]

Trong A Di Đà Kinh Nghĩa Sớ, luật sư Nguyên Chiếu [luật sư Đại Trí] nói:

"*Chương Thế Chí ghi: 'Các Đức Như Lai trong mười phương thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con.'*

Đại Luận nói: 'Thí như cá mẹ nếu không nhớ cá con thì cá con sẽ hư nát v.v.'[27]

A-nậu-đa-la: Hán dịch là Vô thượng.

Tam-miệu: dịch là Chánh đẳng.

Tam Bồ-đề: dịch là Chánh giác, tức nói Phật quả.

Bạc địa phàm phu nghiệp hoặc trói buộc, trôi lăn trong năm đường trăm ngàn muôn kiếp, bỗng nghe Tịnh độ, chí nguyện cầu sanh, một ngày xưng danh thì siêu sanh về cõi kia. Chư Phật hộ niệm, thẳng đến Bồ-đề, có thể gọi là muôn kiếp khó gặp, ngàn đời khó ngộ. Chư Phật thệ từ ngày nay đến tận vị lai, chỗ nào cũng tán dương, phương nào cũng khuyến dẫn, chiêu cảm thân độ, giáo hóa cơ duyên, không khác với Đức Phật A Di Đà. Tâm này không cùng tận, chỉ Đức Phật chứng biết.

Cho nên v.v. trở xuống[28]*: là khuyến tín.*

Tin [nhận] lời của Ta: nghĩa là tin giáo pháp. Như không tin Ta và mười phương chư Phật, há là hư vọng ư?"

Viết vào niên hiệu Kiến Trường thứ 7, ngày 27 tháng 8 năm Ất Mão (1255).

Ngu Ngốc Thân Loan, 83 tuổi.

---

27 Ngư mẫu niệm tử (魚母念子): Cá mẹ nhớ tưởng bảo vệ cá con, ví dụ việc chư Phật gia hộ cho hành giả, khiến họ thành đạo. Luận Đại trí độ quyển 37 (Đại 25, 333 thượng) nói: "Vì Phật nhớ nghĩ nên không bị đọa lạc, ví như cá con nhờ mẹ nhớ tưởng, che chở mà được sống, nếu không thì chết." Nghĩa là nhờ Đức Phật từ bi hộ niệm mà căn lành của Bồ tát không bị hư nát, cũng như cá mẹ luôn thương yêu bảo vệ cá con nên cá con không chết mà được trưởng thành. Tịnh Độ Luận Chú của ngài Đàm Loan dùng thí dụ này để hiển bày sự trụ trì của Đức Phật A Di Đà, còn A Di Đà Kinh Nghĩa Sớ của ngài Nguyên Chiếu thì dùng thí dụ này để nói rõ sự hộ niệm của chư Phật.

28 "Thị cố Xá-lợi Phất, nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ cập chư Phật sở thuyết." (Thế nên, Xá-lợi Phất, các người hãy tin nhận lời của Như Lai nói và của chư Phật nói.

NGU NGỐC SAO

No. 2648

QUYỂN HẠ

Lắng nghe tín của các bậc hiền giả

Bày tỏ tâm của kẻ ngu ngốc.

Tín của các bậc hiền giả thì trong hiền, ngoài ngu.

Tâm của kẻ ngu ngốc thì trong ngu, ngoài hiền.

[44]

Triều đại Đường, Hòa thượng chùa Quang Minh, Quán Kinh Nghĩa Sớ nói:

"*Trước nói về giai vị Thượng phẩm Thượng sanh:*

*(1) Từ '**Đức Phật bảo A-nan**' cho đến '**Thượng phẩm Thượng sanh ấy**'*[29]*, là nêu hai ý:*

(a) Dạy bảo.

(b) Xác định giai vị.

Đây là hàng phàm phu tu tập thượng thiện của Đại thừa.

*(2) Từ '**Nếu có chúng sanh**' cho đến '**liền được vãng sanh**', là nêu chung các hạng người được sanh. Đoạn này cũng có bốn ý:*

---

[29] Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật: "Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hi: Người sanh Cực Lạc thế giới, bậc Thượng phẩm Thượng sanh ấy. Nếu có chúng sanh nguyện sanh Cực Lạc thế giới phát ba thứ tâm liền được vãng sanh. Những gì là ba tâm? Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm và ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Người đủ ba tâm này ắt sanh Cực Lạc thế giới."

(a) Người có lòng tin.

(b) Người cầu nguyện vãng sanh.

(c) Người phát tâm nhiều ít.

(d) Sự lợi ích được vãng sanh.

*(3) Từ '**Những gì là ba tâm**', cho đến '**ắt sinh nước kia**', là xác định ba tâm để làm chánh nhân, đoạn này cũng có hai:*

(a) Đức Thế tôn tùy căn cơ mà nói sự lợi ích, ý thú sâu xa khó hiểu, nếu không nhờ Đức Phật tự hỏi, tự bày thì không cách nào hiểu được.

(b) Đức Như lai còn tự đáp về ba tâm ở trên.

*Kinh nói: "**Một là, chí thành tâm**."*

Chí, là chân. Thành, là thật. Điều này cho thấy, sự hiểu biết và tu hành của tất cả chúng sinh ngang qua ba nghiệp thân, khẩu, ý, phải được thực hiện bằng cái tâm chân thật, không được bên ngoài bày tướng tinh tấn hiền thiện, mà bên trong có cái tâm giả dối, tràn đầy tham sân, gian xảo, dối trá, tánh tình hung dữ khó gần, việc làm như rắn độc, bò cạp. Tuy khởi ba nghiệp, nhưng gọi là Thiện tạp độc[30], cũng gọi là Hành giả dối, không thể gọi là Nghiệp chân thật.

---

30 Tạp độc thiện 雜毒善: Phiền não được so sánh như chất độc. Tu hành thiện mà vẫn bị phiền não xen tạp, gọi là Thiện tạp độc. Ngay cả khi một người được Đức Phật cứu độ, thực tế là 108 phiền não không thay đổi, không giảm bớt, cũng không biến mất. Dù cho chúng ta được chở trên con thuyền đại bi của Phật thì tâm phiền não tham, sân, si, tật đố cũng không dứt dù chỉ trong chốc lát. Dưới con mắt của Đức Phật, việc thiện con người làm chẳng qua chỉ là những độc dược giả dối linh tinh, không có một việc thiện nào có ích cho sự vãng sinh, quả báo sẽ tùy theo chủng tử thiện ác mà hiện ra. Đương nhiên là nếu chúng ta sống một cuộc sống phóng túng, thì chúng ta sẽ có kết thúc bi thảm. Tất cả điều thiện đối với Đức Phật A Di Đà chính nằm trong lời nguyện thứ 19: "Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương phát tâm Bồ đề tâm, tu các công đức chí tâm phát nguyện muốn sinh về nước tôi. Lúc họ mạng

Thực hiện sự an tâm và khởi hành[31] *như thế, dù cho thân tâm khổ nhọc gắng sức, ngày đêm mười hai thời, gấp chạy gấp làm, như lửa cháy đầu, vẫn gọi là Thiện tạp độc. Muốn hồi hướng sự hành [thiện] tạp độc này để cầu sinh Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà thì chắc chắn không thể được.*

Vì sao? Nguyên do là Đức Phật A Di Đà kia, khi tu nhân hạnh Bồ-tát, cho dù một niệm một sát-na, sự tu tập ba nghiệp [của Ngài] đều làm bằng cái tâm chân thật. Hễ thực thi những gì để thú cầu[32] *cũng phải làm bằng cái tâm chân thật.*

Lại nữa, chân thật có hai thứ:

(a) Tự lợi chân thật.

(b) Lợi tha chân thật."[33]

---

chung, tôi và đại chúng vây quanh hiện ra trước mặt họ. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác."

[31] An tâm khởi hành tác nghiệp (安心起行作業): Nói tắt là Tâm hành nghiệp. Là tiếng dùng trong môn Tịnh độ, bao quát tâm, hành và tu tướng. Có xuất xứ từ Vãng Sinh Lễ Tán (Đại 47, 438 hạ) của ngài Thiện Đạo: Nay muốn khuyên người ta vãng sinh, thì nên biết, nếu làm được an tâm, khởi hành, tác nghiệp thì nhất định sẽ được vãng sinh sang nước ấy. (1) An tâm: chỉ chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, hoặc chỉ chí tâm, tín lạc, dục sinh, ba tâm nói trong kinh Vô Lượng Thọ, hoặc chỉ nhất tâm trong kinh A Di Đà. (2) Khởi hành: tức do đã an tâm mà phát khởi tu hành ba nghiệp thân, khẩu, ý, như tu năm niệm môn là lễ bái, tán thán, phát nguyện, quán sát, hồi hướng, và tu năm chính hành là tụng đọc, quán sát, lễ bái, xưng danh và tán thán cúng dường. (3) Tác nghiệp: là nghĩa tạo tác, chỉ việc xúc tiến tu hành các pháp môn ba tâm, năm niệm, cũng tức là siêng năng chăm chỉ làm bốn pháp tu, là Cung kính tu, Vô dư tu, Vô gián tu và Trường thời tu. Bởi vì an tâm là chính nhân của sự vãng sinh Tịnh độ, nên đã do an tâm mà khởi hành rồi, lại thêm trường thời vô gián (tức tu liên tục, tu lâu dài, không ngừng nghỉ, không gián đoạn) nữa, thì chắc chắn sẽ được vãng sinh thế giới Cực Lạc.

[32] Thú cầu bằng hiệp thiện (mang theo điều thiện) hay trực nhĩ (trực tiếp). Hiệp thiện thú cầu (挾善趣求): Đối lại với Trực nhĩ thú cầu (直爾趣求). Từ ngữ được dùng để giải thích ý nghĩa của sự hồi hướng. Phát nguyện và hồi hướng khác nhau. Phát nguyện là người chưa có căn lành, chỉ cầu vãng sinh thành Phật, nên gọi là Trực nhĩ thú cầu. Còn hồi hướng là chỉ cho người đã có căn lành và nhờ đó mà cầu được quả lành mang theo, nên gọi là Hiệp thiện thú cầu. Quán Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, quyển cuối của ngài Tuệ Viễn (Đại 37, 183 trung), nói: "Trực nhĩ thú cầu là nguyện, Hiệp thiện thú cầu là hồi hướng."

[45]

Về **Lợi tha chân thật** cũng có hai thứ:

(1) "*Hễ thực thi những gì để thú cầu cũng đều chân thật.*"

(2) "*Ba nghiệp bất thiện cần phải xả bỏ bằng cái tâm chân thật. Lại nữa, nếu sanh khởi ba nghiệp thiện thì phải tạo tác bằng cái tâm chân thật, bất kể trong ngoài, sáng tối đều phải chân thật, đó gọi là* ***Chí thành tâm***."

[46]

"*Nói* ***Tự lợi chân thật*** *cũng có hai thứ:*

(1) *Trong tâm chân thật, thường chế ngự và xả bỏ các điều ác của mình và người, xả bỏ luôn cả cõi nước uế trược, v.v. Trong lúc đi đứng ngồi nằm tưởng đồng với tất cả Bồ tát chế ngự và xả bỏ các điều ác, tôi cũng như thế.*

(2) *Trong tâm chân thật, siêng tu các điều thiện của mình người, phàm Thánh.*

[Lại nữa, ba nghiệp thân, khẩu, ý có sáu thứ:]

---

[33] (…): "Tự lợi chân thật cũng có hai loại: (a) Chân thật trong tâm, chế ngự và xả bỏ các điều ác của mình và người, và cả cõi nước uế trược, v.v.; trong lúc đi đứng ngồi nằm tưởng đồng với tất cả Bồ-tát đang xả bỏ các điều ác, ta cũng như thế. (b) Chân thật trong tâm, siêng tu các điều thiện của mình người phàm Thánh; chân thật trong tâm, khẩu nghiệp thì khen ngợi Đức Phật A Di Đà và hai báo y chánh. Lại nữa, chân thật trong tâm, khẩu nghiệp thì chán ghét ba cõi sáu đường, những sự khổ đau xấu ác của hai báo y chánh của mình người; và cũng khen ngợi tất cả chúng sinh thực thi điều thiện bằng ba nghiệp. Đối với người không có nghiệp thiện, thì kính họ mà xa lánh họ và cũng không vui theo. Lại nữa, chân thật trong tâm, thân nghiệp thì chắp tay lễ kính, cúng dường bốn thứ cần dùng lên Đức Phật A Di Đà và hai báo Y Chánh. Lại nữa, thân nghiệp thì coi nhẹ, chán bỏ ba cõi sinh tử này và cả hai báo Y Chánh của mình người. Lại nữa, chân thật trong tâm, ý nghiệp thì suy tưởng, quán sát, nhớ nghĩ Đức Phật A Di Đà và hai báo y chánh, như hiện ở trước mắt. Lại nữa, chân thật trong tâm, ý nghiệp thì coi nhẹ, chán bỏ ba cõi sinh tử này và cả hai báo y chánh của mình người." (tr. 271a10-a24)

(i) *Khẩu nghiệp với tâm chân thật: khen ngợi y báo và chánh báo của Đức Phật A Di Đà.*

(ii) *Lại nữa, khẩu nghiệp với tâm chân thật: chán chê ba cõi sáu đường, hai báo y chánh khổ đau xấu ác của mình và người, và cũng khen ngợi tất cả chúng sinh thực hành ba nghiệp thiện lành. Đối với người chẳng có thiện nghiệp thì kính trọng nhưng không gần gũi, cũng không tùy hỷ.*

(iii) *Lại nữa, thân nghiệp với tâm chân thật: chắp tay kính lễ, cúng dường tứ sự, v.v. y báo và chánh báo của Đức Phật A Di Đà.*

(iv) *Lại nữa, thân nghiệp với tâm chân thật: coi thường chán bỏ tam giới sinh tử và hai báo y chánh của mình và người.*

(v) *Lại nữa, ý nghiệp với tâm chân thật: tư tưởng quán sát, nhớ nghĩ y báo và chánh báo của Đức Phật A Di Đà, như hiện ở trước mắt.*

(vi) *Lại nữa, ý nghiệp với tâm chân thật: khinh rẻ chán bỏ tam giới sinh tử và hai báo y chánh của mình và người.*"

[47]

Kinh nói: "**Một là, chí thành tâm**."

Chí, là chân. Thành, là thật. Tức là chân thật vậy.

Chân thật có hai thứ:

(1) *Tự lợi chân thật*:

Nan hành đạo là Thánh đạo môn.

Thụ siêu: là 'tức thân thị Phật, tức thân thành Phật', là tự lực.

Thụ xuất: Trong tự lực, đó là Tiệm giáo, phải trải vô số kiếp tu hành.

(2) *Lợi tha chân thật*:

Dị hành đạo là Tịnh độ môn.

Hoành siêu: Thệ nguyện của Như Lai là Tha lực.

Hoành xuất: Trong tha lực, đó là Tự lực, là Định tán chư hành[34].

[48]

Tự lợi chân thật lại có hai thứ:

(1) *Yểm ly chân thật*:

Thánh đạo môn là Nan hành đạo.

Thụ xuất là Tự lực.

Thụ xuất: là giáo pháp Nan hành đạo, lấy sự yểm ly làm căn bản, thực thi bằng cái tâm tự lực.

(2) *Hân cầu chân thật*:

Tịnh độ môn là Dị hành đạo.

Hoành xuất là Tha lực.

Hoành xuất: là giáo pháp Dị hành đạo, lấy sự hân cầu là căn bản, vì sao? Do nguyện lực mà chán bỏ sanh tử.

[49]

Lại nữa, **Hoành xuất chân thật** cũng có ba thứ:

(1) Khẩu nghiệp hân cầu chân thật và khẩu nghiệp yểm ly chân thật.

(2) Thân nghiệp hân cầu chân thật và thân nghiệp yểm ly chân thật.

(3) Ý nghiệp hân cầu chân thật và ý nghiệp yểm ly chân thật.

---

[34] Trong Tịnh độ giáo, ngoài thiện hành xưng danh niệm Phật ra, các thiện hành khác gọi là Chư hành, cũng gọi là Định tán chư hành, Dư hành. Và gọi những người tu Chư hành mà được vãng sanh Cực Lạc là Chư hành vãng sanh. Trong các tông phái Tịnh độ Nhật Bản, cũng có thuyết chủ trương chân ý bản nguyện của Phật A Di Đà là ở nơi Chư hành vãng sanh, gọi là Chư hành bản nguyện nghĩa - còn thuyết chủ trương nếu chỉ nương vào Chư hành thì không có cách nào được vãng sanh, gọi là Chư hành bất sanh nghĩa.

[50]

Xem thích văn của Tông sư[35]:

"*Lại, chân thật có hai loại: Tự lợi chân thật và Lợi tha chân thật.*

Tự lợi chân thật cũng có hai loại:

(a) *Trong tâm chân thật, chế ngự và xả bỏ các điều ác của mình và người, xả bỏ thế giới uế trược, đi đứng ngồi nằm tưởng đồng tất cả Bồ tát chế ngự và xả bỏ các điều ác, tôi cũng như thế.*
(b) *Trong tâm chân thật, siêng tu các điều thiện của mình người, phàm Thánh.*"

Yểm ly ở trước, hân cầu theo sau, đó là nghĩa ***Thụ xuất Tự lực Nan hành đạo***.

[51]

"*Khẩu nghiệp với tâm chân thật: khen ngợi y báo và chánh báo của Đức Phật A Di Đà.*

Lại nữa, khẩu nghiệp với tâm chân thật: chán chê ba cõi sáu đường, hai báo y chánh khổ đau xấu ác của mình và người, và cũng khen ngợi tất cả chúng sanh thực hành ba nghiệp thiện lành. Đối với người chẳng có thiện nghiệp thì kính trọng nhưng không gần gũi, cũng không tùy hỷ.

Lại nữa, thân nghiệp với tâm chân thật: chắp tay kính lễ, cúng dường tứ sự, v.v. y báo và chánh báo của Đức Phật A Di Đà.

Lại nữa, thân nghiệp với tâm chân thật: coi thường chán bỏ tam giới sanh tử và hai báo y chánh của mình và người.

---

[35] Quán Vô lượng Thọ Phật Kinh Sớ.

Lại nữa, ý nghiệp *với tâm chân thật: tư tưởng quán sát, nhớ nghĩ y báo và chánh báo của Đức Phật A Di Đà, như hiện ở trước mắt.*

Lại nữa, ý nghiệp với tâm chân thật: khinh rẻ chán bỏ tam giới sanh tử và hai báo y chánh của mình và người.”

Đó là nghĩa của ***Hoành xuất Tha lực Dị hành đạo***.

[52]

[Kinh nói: **“Hai là, thâm tâm.”**]

“*Thâm tâm, tức là tâm thâm tín, cũng có hai thứ:*

(a) Thâm tín là xác quyết rằng, tự thân hiện là phàm phu tội ác ở trong sanh tử, nhiều kiếp đến nay thường chìm đắm, thường lưu chuyển, không có nhân duyên xuất ly.

(b) Thâm tín là xác quyết rằng, bốn mươi tám nguyện của Đức Phật A Di Đà là để nhiếp thọ chúng sanh, không nghi không lo, nương nguyện lực của Ngài thì chắc chắn được vãng sanh.”

Thâm tâm ấy là *Kim cương tâm về Tha lực chí cực*, là *Tín hải chân thật của Nhất thừa vô thượng*.

[53]

Xét văn ý, về Thâm tín, có bảy Thâm tín, có sáu Quyết định.

Bảy ***Thâm tín***:

(1) Thâm tín là quyết định thâm tín tự thân, tức là *Tự lực tín hải*.

(2) Thâm tín là quyết định thâm tín vào oai lực của Đức pHật A Di Đà, tức là *Tha lực tính hải*.

(3) Thâm tín là quyết định thâm tín Quán Kinh.

(4) Thâm tín là quyết định thâm tín Kinh A Di Đà.

(5) Thâm tín là chỉ tin lời Phật dạy, quyết định y theo tu hành.

(6) Y theo Quán Kinh mà thâm tín [vào pháp hành].[36]

(7) Thâm tâm thâm tín là quyết định kiến lập tự tâm.[37]

Sáu ***Quyết định*** (tương ưng theo thứ tự ở trên).

[54]

Về ***Chỉ tin lời Phật dạy***, có ba Khiển, ba Tùy thuận và ba Thị danh.

Ba ***Khiển*** (khiến cho):

(1) Phật dạy xả liền xả.

(2) Phật dạy hành liền hành.

(3) Phật dạy chỗ sanh về liền sanh về.

Ba ***Tùy thuận***:

(1) [Tùy thuận ba khiển] Đó gọi là tùy thuận lời Phật dạy.

---

[36] Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ: "Lại nữa, thâm tín là xác quyết rằng, Đức Phật Thích Ca đã thuyết Quán Kinh này qua ba phước chín phẩm, định thiện tán thiện, để chứng thật và khen ngợi y báo và chánh báo của Đức Phật A Di Đà, khiến người ưa thích, ngưỡng mộ.

Lại nữa, thâm tín là xác quyết rằng, kinh A Di Đà có nói, hằng hà sa số các Đức Phật ở mười phương đã chứng thật và khuyến khích tất cả phàm phu quyết định được sanh.

Lại nữa, thâm tín là ngưỡng nguyện tất cả hành giả một lòng tin tưởng vào lời Phật dạy, không màng thân mạng, quyết định y theo tu hành, xả những gì Phật dạy xả, hành những gì Phật dạy hành, sanh về chỗ Phật dạy sanh về, đó gọi là tùy thuận lời Phật dạy. Tùy thuận ý Phật, đó gọi là tùy thuận bản nguyện của Phật, đó gọi là đệ tử Phật chân thật.

Lại nữa, tất cả hành giả nếu y theo Quán Kinh này, thâm tín vào pháp hành, thì chính là những chúng sanh không lầm lỗi. Vì sao? Vì Đức Phật là người tràn đầy tâm đại bi, và vì lời dạy của Ngài trong Kinh là chân thật."

[37] Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ: "Lại nữa, thâm tâm thâm tín là quyết định kiến lập tự tâm, thuận theo giáo pháp tu hành, dứt hẳn sự nghi ngờ sai lầm, đừng vì tất cả các biệt giải, biệt hành, dị học, dị kiến, dị chấp mà làm cho mình khuynh động thối thất."

(2) Tùy thuận ý Phật.

(3) [Tùy thuận ý Phật] Đó gọi là tùy thuận bản nguyện của Phật.

Ba ***Thị danh*** (đó gọi là):

(1) Đó gọi là đệ tử Phật chân thật.

(2)&(3) Hai thị danh ở trên cùng với đây hợp thành *Ba thị danh*.

[55]

Về ***Y theo Quán Kinh mà thâm tín***, có sáu Tức, ba Ấn, ba Vô, sáu Chánh và hai Liễu.[38]

---

[38] Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ: "Hỏi: Phàm phu trí tuệ cạn cợt, hoặc chướng sâu dày, nếu gặp người có giải hạnh khác mình, dẫn chứng nhiều kinh luận để bắt bẻ, chứng minh rằng: 'Tất cả phàm phu tội chướng không được vãng sanh', vậy phải làm sao để đối trị với lời bắt bẻ đó, để thành tựu được tín tâm, quyết định thẳng tiến, không sanh tâm lui sụt?

Đáp: Nếu có người dẫn chứng nhiều kinh luận nói, các phàm phu tội chướng không được vãng sanh, thì hành giả liền đáp rằng: 'Này nhân giả! Tuy ông đã dẫn chứng nhiều kinh luận để chứng minh rằng, không được vãng sanh, nhưng ý tôi quyết định không nhận lời đả phá của ông. Vì sao? Vì chẳng phải tôi không tin các kinh luận, tất cả kinh luận tôi đều kính tin, nhưng khi Đức Phật nói kinh thì có xứ biệt, thời biệt, đối cơ biệt và lợi ích biệt.

Lại nữa, khi Đức Phật nói kinh đó, tức là không phải lúc mà Đức Phật nói kinh Di Đà hoặc Quán Kinh. Phật thuyết giáo trùm khắp căn cơ, thời gian cũng khác nhau. Đức Phật liền nói chung về giải hạnh của trời, người, Bồ tát. Ở đây nói định thiện và tán thiện trong Quán Kinh chỉ vì Vy-đề-hy và tất cả phàm phu sống trong năm trược năm khổ, sau Phật diệt độ, mà làm chứng ngôn sẽ được vãng sanh. Vì nhân duyên đó, mà hôm nay tôi nhất tâm y theo lời dạy của Phật, quyết định vâng làm. Dù ngài có cả trăm ngàn muôn ức luận chứng phàm phu không được vãng sanh, thì cũng chỉ làm tăng thêm tín tâm vững chắc của tôi mà thôi.

Lại nữa, hành giả cũng nói với người đó rằng: 'Ông hãy lắng nghe! Nay tôi vì ông lại nói về sự quyết định kính tin của tôi, dầu có các vị Bồ tát Địa tiền, La hán hay Bích chi Phật, hoặc một hoặc nhiều vị, thậm chí khắp cả các thế giới trong mười phương, đều dẫn kinh luận để chứng minh phàm phu không được vãng sanh, tôi cũng không khởi một niệm tâm nghi ngờ, mà chỉ làm lớn mạnh thêm tín tâm thanh tịnh của tôi mà thôi. Vì sao? Vì Đức Phật nói ra lời nào thì đó chính là những lời quyết định liễu nghĩa, bất cứ ai cũng không phá hoại được.'

‘Thêm nữa, hành giả cũng nên lắng nghe! Dầu có các bậc Sơ địa trở lên, hoặc Thập địa trở xuống, hoặc một hoặc nhiều vị, cho đến khắp cả mười phương, khác miệng đồng lời đều nói rằng: ‘Đức Phật Thích Ca chỉ khen ngợi Đức Di Đà và chê bai ba cõi, sáu đường, khuyến khích chúng sanh nên chuyên tâm niệm Phật và tu các điều lành khác, sau khi qua đời chắc chắn sanh về quốc độ kia. Đó chắc là hư vọng, không nên y theo và tin tưởng.’ Tôi dù có nghe nói những lời như thế, cũng không sanh một niệm tâm nghi ngờ, mà chỉ làm lớn mạnh thêm quyết định thượng thượng tín tâm của tôi. Vì sao? Vì đó là lời dạy của Đức Phật là chân thật quyết liễu nghĩa. Vì Phật đã thật tri, thật kiến, thật chứng, không phải từ trong tâm nghi hoặc mà nói ra. Lại không bị dị kiến, dị giải của tất cả các Bồ tát phá hoại. Nếu thật là Bồ tát, thì không trái lời Phật dạy.

Lại nữa, đối với việc này hành giả nên biết, dù cho có hóa Phật báo Phật, một vị hay nhiều vị, cho đến cùng khắp mười phương, mỗi vị đều phát ra ánh sáng từ miệng bao trùm cả mười phương, mỗi vị đều nói: ‘Lời thuyết giáo của Đức Thích Ca là chỉ khen ngợi, khuyến khích tất cả các phàm phu chuyên tâm niệm Phật và tu các điều lành khác, hồi hướng nguyện cầu được vãng sanh về Tịnh độ kia. Đó là hư vọng, chắc không có sự ấy.’ Tôi tuy có nghe chư Phật này nói như vậy thì cũng hoàn toàn không khởi một niệm tâm nghi ngờ thối lui, sợ không được vãng sanh về Cực Lạc. Vì sao? Vì một Đức Phật tức là tất cả Đức Phật. Các Ngài đều có tri kiến, giải hành, chứng ngộ, quả vị và tâm đại bi như nhau, không có chút gì khác nhau, do đó mà điều gì một Đức Phật đã chế ra, thì tất cả các Đức Phật khác đều chế ra. Cũng ví như Đức Phật trước chế không được gây tạo các tội lỗi như sát sanh, v.v. mười ác. Nếu người nào không phạm thì gọi là mười thiện, mười hành, nghĩa là tùy thuận theo sáu độ. Dù sau này có Đức Phật ra đời, đâu có thể đổi mười thiện mà bảo hành mười ác ư? Dùng đạo lý này để suy nghiệm, thì biết được ngôn hành của chư Phật không bao giờ trái ngược nhau.

Giả sử hôm nay Đức Thích Ca dạy khuyên: ‘Tất cả các phàm phu, trọn một đời này, chuyên niệm chuyên tu, sau khi xả mạng, chắc sinh nước kia’, thì chư Phật mười phương cũng đồng khen ngợi, đồng khuyến khích, đồng chứng thật. Vì sao? Vì là đồng thể đại bi. Một Phật giáo hóa tức là tất cả Phật giáo hóa. Tất cả Phật giáo hóa tức là một Phật giáo hóa. Ngay trong kinh A Di Đà có nói: ‘Đức Phật Thích Ca khen ngợi các thứ trang nghiêm ở quốc độ Cực Lạc, lại khuyên tất cả phàm phu, một ngày hoặc bảy ngày, nhất tâm chuyên niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà, thì chắc được vãng sanh.’ Đoạn văn tiếp theo nói: ‘Hằng hà sa số chư Phật ở mười phương đều khen ngợi Đức Thích Ca ở trong thời kỳ đầy cả năm thứ ác trược: thế giới độc ác, chúng sinh độc ác, kiến thức độc ác, phiền não độc ác, thời kỳ thịnh hành tà ác và không có đức tin, lại có thể chỉ dạy và khen ngợi danh hiệu Đức Phật A Di Đà, khuyến khích chúng sanh xưng niệm thì nhất định được vãng sanh.’ Đây là lời chứng thật của chư Phật mười phương.

Lại nữa, chư Phật mười phương sợ rằng chúng sanh không tin lời Đức Phật Thích Ca nói, nên các Ngài cùng đồng tâm, đồng thời đưa ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp Đại thiên thế giới, nói lời thành thật như vầy: “Chúng sanh các vị, nên tin tưởng những lời Đức Thích Ca đã nói, khen ngợi và chứng thật: ‘Tất cả phàm phu, không kể tội phước nhiều ít, thời gian xa gần, có thể suốt một trăm năm, thậm chí một ngày

Sáu ***Tức*** (thì):

(1) Nếu xứng với ý Phật, thì Phật ấn khả, nói rằng: "Như vậy, như vậy."

(2) Nếu không đúng ý Phật dạy, thì Phật sẽ nói, "Những gì các ông nói, nghĩa ấy không như vậy."

(3) Nếu Đức Phật không ấn chứng, thì đồng với những lời nói vô ký, vô lợi, vô ích.

(4) Nếu Đức Phật ấn khả, thì tùy thuận chánh giáo của Phật.

(5) Nếu Đức Phật có những lời dạy gì, thì đó là chánh giáo.

(6) Nếu Đức Phật đã nói điều gì, thì đó là liễu giáo.[39]

Ba ***Ấn***:

(1) Thì Phật ấn khả.

(2) Phật không ấn chứng.

(3) Phật ấn khả.

(Ba 'ấn' có trong đoạn 'sáu tức' ở trên.)

---

hoặc bảy ngày, nhất tâm chuyên niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà, thì chắc được vãng sanh, quyết không nghi ngờ'." Thế nên, một Đức Phật nói ra thì tất cả Đức Phật đồng làm chứng cho lời thành thật ấy. Đây gọi là 'tựu nhân lập tín'."

[39] Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ: "Ngoài Đức Phật ra, những người mà trí hành chưa đủ, còn ở học địa, là do có hai chướng chánh tập chưa trừ, quả nguyện chưa tròn. Những phàm phu và Thánh nhân như vậy, dù có suy đoán về ý thú của lời Phật dạy, chưa thể hiểu rõ tường tận, hay dù có bàn luận, cũng cần phải thỉnh cầu sự chứng thật của Phật mới có thể xác quyết. Nếu phù hợp với ý Phật, thì Ngài ấn khả, "Như vậy, như vậy!" Nếu không phù hợp với ý Phật, thì Ngài sẽ nói, "Những gì các ông nói, nghĩa ấy không như vậy." Những gì không được ấn chứng, giống như lời nói vô ký, vô lợi, vô ích. Những gì Đức Phật ấn khả, thì tùy thuận chánh giáo của Phật.

Những lời dạy của Đức Phật chính là chánh giáo, chánh nghĩa, chánh hành, chánh giải, chánh nghiệp, chánh trí. Là nhiều hay ít, làm sao những chúng sanh – dù là bồ tát, người hay chư thiên – có thể xác định những lời dạy ấy là đúng hay sai? Những gì Đức Phật thuyết, chính là lời dạy liễu nghĩa. Những gì Bồ-tát thuyết, toàn là lời dạy bất liễu nghĩa. Nên biết như vậy."

Ba ***Vô***:

(1) Vô ký.

(2) Vô lợi.

(3) Vô ích.

Sáu ***Chánh***:

(1) Chánh giáo.

(2) Chánh nghĩa.

(3) Chánh hành.

(4) Chánh giải.

(5) Chánh nghiệp.

(6) Chánh trí.

Hai ***Liễu***:

(1) Những gì Đức Phật thuyết, chính là liễu giáo.

(2) Những gì Bồ-tát thuyết, toàn là bất liễu giáo.

Nên biết như vậy.

[56]

Về ***Thâm tâm thân tín là quyết định kiến lập tự tâm***, có hai Biệt, ba Dị, một Vấn đáp.

Hai ***Biệt***:

(1) Biệt giải.

(2) Biệt hành.

Ba ***Dị***:

(1) Dị học.

(2) Dị kiến.

(3) Dị chấp.

Một ***Vấn đáp***, có bốn Biệt và bốn Tín.

(a) Bốn ***Biệt***:

(i) Xứ biệt.

(ii) Thời biệt.

(iii) Đối cơ biệt.

(iv) Lợi ích biệt.

(b) Bốn ***Tín***:

(i) Vãng sanh tín tâm (nghi nan của phàm phu).

(ii) Thanh tịnh tín tâm (nghi nan của Bồ tát địa tiền, La hán, Bích chi Phật, v.v.)

(iii) Thượng thượng tín tâm (nghi nan của Bồ tát Sơ địa trở lên, Thập địa trở xuống).

(iv) Rốt ráo không khởi một niệm tâm nghi ngờ thối lui (nghi nan về Báo Phật, Hóa Phật).

[57]

Về ***Thượng thượng tín tâm***, có năm Thật, hai Dị.

Năm ***Thật***:

(1) Chân thật quyết liễu nghĩa.

(2) Thật tri.

(3) Thật giải.

(4) Thật kiến.

(5) Thật chứng.

Hai ***Dị***:

(1) Dị kiến.

(2) Dị giải.

[58]

Về ***Nghi nan về Báo Phật, Hóa Phật***, dẫn sự khuyến tín trong Kinh A Di Đà, có hai Chuyên, bốn Đồng, hai Giáo hóa, sáu Độc, hai Đồng, ba Sở.

Hai ***Chuyên***:

(1) Chuyên niệm.

(2) Chuyên tu (năm thứ)

Bốn ***Đồng***:

(1) Đồng tán.

(2) Đồng khuyến.

(3) Đồng chứng.

(4) Đồng thể.

Hai ***Giáo hóa***:

(1) Một Phật giáo hóa tức là tất cả Phật giáo hóa.

(2) Tất cả Phật giáo hóa tức là một Phật giáo hóa.

Sáu ***Độc***:

(1) Thời kỳ độc ác.

(2) Thế giới độc ác.

(3) Chúng sanh độc ác.

(4) Kiến thức độc ác.

(5) Phiền não độc ác.

(6) Thời kỳ thịnh hành tà ác và không có đức tin.

Hai ***Đồng***:

(1) Chư Phật mười phương đồng tâm.

(2) Đồng thời mỗi vị đưa ra tướng lưỡi.

Ba ***Sở***:

(1) Sở thuyết.

(2) Sở tán.

(3) Sở chứng.

[59]

"*Một Đức Phật thuyết ra thì tất cả Đức Phật đồng làm chứng cho lời thành thật ấy. Đây gọi là 'tựu nhân lập tín'*[40]*. Nên biết như vậy.*"

[60]

Về **Tựu hành lập tín**, hành có hai thứ:

(1) Chánh hành.

(2) Tạp hành.[41]

---

40 Tịnh độ tông nhấn mạnh rằng phàm phu phải thiết lập tín tâm nếu muốn vãng sanh về Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà. Thiết lập tín tâm theo lời nói của người, gọi là 'Tựu nhân lập tín' (就人立信), như tin vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, lời khuyến khích của Đức Phật Thích Ca, lời thành thật của chư Phật. Ngoài ra, chánh định nghiệp 'xưng danh' là hành thuận theo nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, và qua đó thiết lập tín tâm quyết định vãng sinh, đây gọi là 'Tựu hành lập tín' (就行立信).

41 A. Chánh hành, có hai: (1) Chuyên tu, có ba: (a) Hoành siêu Tha lực chuyên tu; (b) Ngũ chuyên tu; (c) Nhất hướng chuyên tu. (2) Tạp tu, có ba: (a) Chánh tạp kiêm hành; (b) Trợ chánh tịnh tu; (c) Bất chí tâm tạp tu.

B. Tạp hành, có hai: (1) Ngũ chủng tạp hành. (2) Liệt dư tạp hành.

[61]

Chánh hành có năm Chánh hành, sáu Nhất tâm và sáu Chuyên tu.

Năm ***Chánh hành***:

(1) Nhất tâm chuyên đọc tụng.

(2) Nhất tâm chuyên quán sát.

(3) Nhất tâm chuyên lễ Phật.

(4) Nhất tâm chuyên xưng Phật danh.

(5) Nhất tâm chuyên tán thán, cúng dường.

Lại nữa, trong những hành này còn có hai thứ:

(1) Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Đó gọi là ***Chánh định nghiệp***.

(2) Nếu y theo đọc tụng, quán sát, lễ lạy, tán thán cúng dường, thì gọi là ***Trợ nghiệp***.

Sáu ***Nhất tâm*** (Nhất tâm theo thứ tự ở trên).

Sáu ***Chuyên tu*** (Chuyên tu theo thứ tự ở trên).

[62]

Lại nữa, về ***Chánh hành và Tạp hành***, lại có hai hành:

(1) Định hành.

(2) Tán hành.

[63]

Lại nữa, về ***Chánh hành và Tạp hành***, lại có hai thứ:

(1) Niệm Phật.

(2) Quán Phật.

[64]

Lại nữa, về ***Niệm Phật*** cũng có hai thứ:

(1) Niệm Phật A Di Đà Phật.

(2) Niệm Phật mười phương chư Phật.

Niệm Phật qua Pháp thân, Báo thân, Ứng thân, Hóa thân.

[65]

Lại nữa, ***Niệm Phật A Di Đà Phật***, có hai thứ:

(1) Chánh hành định tâm niệm Phật.

(2) Chánh hành tán tâm niệm Phật.

Định tán niệm Phật A Di Đà Phật, đó gọi là ***Tịnh độ Chân môn***, cũng gọi là ***Nhất hướng chuyên tu***. Nên biết như vậy.

[66]

Lại nữa, về ***Niệm Phật mười phương chư Phật***, có hai thứ:

(1) Tạp hành định tâm niệm Phật.

(2) Tạp hành tán tâm niệm Phật.

Định tán niệm Phật mười phương chư Phật, đó gọi là ***Chuyên hành trong Tạp hành***. Nên biết như vậy.

[67]

Lại nữa, về ***Quán Phật*** lại có hai thứ:

(1) Quán Phật theo Chánh hành.

(2) Quán Phật theo Tạp hành.

[68]

Lại nữa, ***Quán Phật theo Chánh hành*** lại có hai thứ:

(1) Chân quán.

(2) Giả quán.

[69]

Lại nữa, ***Chân quán và Giả quán*** có ***mười ba quán tưởng***[42]:

(1) Nhật tưởng.

(2) Thủy tưởng.

(3) Địa tưởng.

(4) Bảo thọ tưởng.

(5) Bảo trì tưởng.

(6) Bảo lâu tưởng.

(7) Hoa tọa tưởng.

(8) Tượng tưởng.

(9) Chân thân quán.

(10) Quán Âm quán.

(11) Thế Chí quán.

(12) Phổ quán.

(13) Tạp quán.

[70]

Lại nữa, về ***Chánh hành và Tán hành***, có bốn thứ:

---

42 Trong 16 pháp quán như Thủy quán, Bảo thọ quán, Tượng quán, Phổ quán, Tạp tưởng quán v.v... nói trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, thì ngài Thiện Đạo cho rằng 13 pháp quán trước là dùng định tâm quán tưởng về y báo, chánh báo của cõi Tịnh độ, cho nên gọi là Định thiện. Còn ba pháp quán sau (thượng bối quán, trung bối quán, hạ bối quán) là dùng tán tâm tu tập các hạnh 3 phúc, 9 phẩm, cho nên gọi là Tán thiện. Định thiện và Tán thiện là nhân của sự vãng sanh, thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà là thắng duyên của sự vãng sanh. Khi nhân và duyên hòa hợp thì được quả vãng sanh.

(1) Đọc tụng.
(2) Lễ bái.
(3) Tán thán.
(4) Cúng dường.

[71]

Từ đây trở đi, Định hành và Tán hành có sáu thứ *kiêm hành*, nên gọi là ***Tạp hành***. Đó gọi là ***Trợ nghiệp***, tên là ***Phương tiện Giả môn***, cũng gọi ***Tịnh độ Yếu môn***. Nên biết như vậy.

[72]

Lại nữa, ***Quán Phật theo Tạp hành*** có hai thứ (lại có chân quán và giả quán):

(1) Vô tưởng ly niệm.
(2) Lập tướng trú tâm.

[73]

Lại nữa, về ***Tạp hành và Tán hành*** có *ba phước*:

(1) Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự Sư trưởng, từ tâm bất sát, tu mười thiện nghiệp.
(2) Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi.
(3) Phát Bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tiến hành giả.

[74]

Từ đây trở đi, ***tất cả chư thiện định tán*** đều gọi là ***Tạp hành***. Đối lại với sáu thứ Chánh hành, nên có sáu thứ Tạp hành. Tạp hành, là xen tạp những kiến giải và

thực hành thuộc về nhân loại, chư thiên và Bồ-tát [mà nguyện sanh về Tịnh độ Cực Lạc]. Tạp hành vốn không phải nhân tố của Tịnh độ nghiệp. Đó gọi là ***Phát nguyện hành***, cũng gọi ***Hồi tâm hành***[43], cho nên được gọi là ***Tịnh độ Tạp hành***. Đó gọi là ***Tịnh độ Phương tiện Giả môn***, cũng gọi ***Tịnh độ Yếu môn***.

Chánh hành, Tạp hành, Định hành, Tán hành của Thánh đạo môn hay Tịnh độ môn đều là hành của ***Hồi tâm [hồi hướng]***.[44] Nên biết như vậy.

[75]

Kinh nói: "**Ba là, hồi hướng phát nguyện tâm.**"

Hồi hướng phát nguyện tâm có hai thứ:

(1) Từ quá khứ đến đời nay, bằng cái tâm chân thật và thâm tín, đem thiện căn tu tập của mình và người thảy đều hồi hướng nguyện sanh quốc độ Cực Lạc.

(2) Hồi hướng phát nguyện sanh [Cực Lạc] thì cần phải hồi hướng nguyện bằng cái tâm chân thật quyết định, khởi ý tưởng "được sanh".

[76]

Về ***Hồi hướng phát nguyện sanh***, có Tín tâm.

Tín tâm, là khởi ý tưởng "được sanh". Cái tâm thâm tín này giống như kim cương.[45]

---

[43] Hồi tâm (廻心), theo nghĩa đen là xoay chuyển tâm trí của một người, để chuyển mục tiêu cuộc sống trước đây của một người thành một mục tiêu mới. Ngài Thân Loan không thường xuyên sử dụng từ 'hồi tâm', nhưng sử dụng nó như một từ đồng nghĩa với 'tự lực'. Ngu Ngốc Sao (愚禿鈔), No. 2648, Thân Loan nói: "Nhất thừa viên mãn cơ tha lực, Tiệm giáo hồi tâm cơ tự lực." (一乘圓滿機他力, 漸教廻心機自力).

[44] Ngoài Hoành siêu Tha lực chuyên tu, chư hành Thánh đạo đi vào Tịnh độ Yếu môn và Chánh Tạp Định Tán của Tịnh độ môn đều là hành của Hồi tâm hồi hướng.

[45] Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ: "Cái tâm thâm tín này, giống như kim cương, không bị động loạn hay phá hoại bởi những người có dị kiến, dị học, biệt giải, biệt hành, v.v. Chỉ là nhất tâm quyết định, nhắm ngay hướng thẳng, không được nghe lời những người kia, thì có tiến thoái, tâm sinh yếu hèn, ngoảnh lại lạc đường, liền đánh mất đại lợi vãng sanh."

[77]

Về ***Tâm thâm tín này***, có một Thí dụ, hai Dị, hai Biệt, một Vấn đáp, hai hồi hướng.

Một ***Thí dụ***:

"*Cái tâm thâm tín này giống như kim cương.*"

Hai ***Dị***:

(1) Dị kiến.

(2) Dị giải.

Hai ***Biệt***:

(1) Biệt giải.

(2) Biệt hành.

[78]

Một ***Vấn đáp***: có bảy Ác, sáu Thí, hai Môn, bốn Hữu duyên, hai Mong cầu, hai Yêu thích, hai Muốn học, hai Chắc phải.[46]

---

[46] Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ: "Hỏi: Nếu có những người tà tạp, giải hành bất đồng, mang đến mê loạn, hoặc nói các thứ nghi nạn, hoặc nói [phàm phu] không được vãng sanh, rằng là: 'Chúng sanh các vị, nhiều kiếp đến đời nay, thân khẩu ý nghiệp, đối với trên thân tất cả phàm Thánh, tạo đủ mười ác, năm nghịch, bốn trọng, báng pháp, xiển đề, phá giới, phá kiến, v.v. chưa thể trừ hết. Những tội như thế đã ràng buộc các vị trong tam giới ác đạo, làm sao chỉ một đời tu phước, niệm Phật mà được đi vào quốc độ vô lậu vô sanh kia, được chứng ngộ địa vị bất thối ư?'

Đáp: Giáo và hành của chư Phật nhiều hơn cát bụi. Cơ duyên của chúng sanh thì khác nhau, tùy thuộc tình thức của họ. Ví như người thế gian có đôi mắt để thấy, để tin, như: ánh sáng xua tan bóng tối, không gian bao trùm vạn vật, đất chuyên chở và nuôi dưỡng, nước sanh trưởng và thấm ướt, lửa sanh

Bảy ***Ác***:

(1) Thập ác.

(2) Ngũ nghịch.

(3) Tứ trọng.

(4) Phá giới.

(5) Phá kiến.

(6) Báng pháp.

(7) Xiển đề.

Sáu ***Thí***:

(1) Ánh sáng xua tan bóng tối.

(2) Không gian bao trùm vạn hữu.

(3) Đất chuyên chở và nuôi dưỡng.

(4) Nước sanh trưởng và thấm ướt.

(5) Lửa sanh thành và hủy hoại.

---

thành và hủy hoại. Các việc như thế đều gọi là pháp đối đãi. Con mắt thấy được ngàn muôn sai khác, huống chi Phật pháp có năng lực bất tư nghị, há không có các thứ lợi ích?

Theo ra một cửa, tức là ra cửa phiền não; theo vào một cửa, tức là vào cửa giải thoát trí tuệ. Theo cách này, mỗi người tìm cầu giải thoát và khởi hành tùy theo duyên. Tại sao ông chướng ngại tôi bằng những yếu hành mà chẳng hữu duyên với tôi? Những gì tôi yêu thích chính là các hành mà hữu duyên với tôi, đó không phải những gì ông mong cầu. Những gì ông yêu thích chính là các hành mà hữu duyên với ông, đó không phải những gì tôi mong cầu. Do đó, mỗi người tu tập các hành phù hợp với nguyện vọng của mình, thì chắc phải mau được giải thoát.

Hành giả nên biết: Nếu muốn giải học, từ phàm đến Thánh, cho đến quả Phật, thì thảy đều học được mà không gì trở ngại. Nếu muốn hành học, thì chắc phải nhờ pháp hữu duyên, nỗ lực dụng công thì ít mà thu được lợi ích rất nhiều."

(6) Hai sông (sông nước và sông lửa).[47]

---

[47] Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ: "Giả sử có một người lữ hành đi một trăm ngàn dặm về hướng Tây, dọc đường bỗng gặp hai con sông [trong một dòng sông], một là sông lửa chảy về hướng Nam, hai là sông nước chảy về hướng Bắc. Hai con sông rộng một trăm thước, sâu không thấy đáy, Nam Bắc dài vô tận. Ngăn cách lửa và nước là một con đường màu trắng rộng bốn năm tấc. Có một con đường [bắc ngang qua hai con sông], từ bờ Đông sang bờ Tây rộng hơn một trăm thước. Những cơn sóng nước trào lên làm ướt con đường và những ngọn lửa bốc lên đốt nóng con đường. Nước và lửa cứ thế luân phiên nhau không ngừng nghỉ.

Bấy giờ, người lữ hành đã đi sâu vào vùng hoang dã rộng lớn, không có một bóng người hay vật gì. Có những tên cướp ẩn nấp và thú dữ rình rập ở đó, và khi thấy người này đơn độc, chúng tranh nhau chạy đến muốn giết hại. Người này sợ chết, chạy thẳng về hướng Tây, bỗng thấy con sông lớn kia, liền tự nghĩ rằng: "Con sông này từ Nam chí Bắc không thấy bờ mé, giữa sông thấy một con đường trắng, rất là nhỏ hẹp, hai bờ cách nhau tuy gần nhưng làm sao đi được? Hôm nay tôi chắc chắn sẽ chết. Nếu tôi quay trở lại, những tên cướp và thú dữ đang từ từ áp sát. Nếu tôi chạy về phía Bắc hay phía Nam, thú dữ và trùng độc đang tranh nhau chạy vể phía tôi. Nếu tôi muốn đi về phía Tây, tìm đường thoát, lại sợ rơi vào hai con sông nước và lửa."

Không có từ nào để diễn tả nỗi kinh hoàng và tuyệt vọng vào thời điểm đó, người lữ hành tự suy nghĩ: "Bây giờ tôi quay lại cũng chết, đứng đây cũng chết, đi tiếp cũng chết, không có cách nào để tôi thoát khỏi cái chết. Vì vậy, tôi nên tìm kiếm con đường này, hướng về phía trước mà đi. Đã có con đường này thì có thể vượt qua sông."

Lúc nghĩ như thế, chợt nghe giọng nói khích lệ của ai đó ở bờ Đông: "Nhân giả! Nếu quyết định tìm con đường này mà đi, thì sẽ thoát được cái chết. Nhưng nếu ở lại thì sẽ chết."

Thêm nữa, bên bờ Tây cũng có người kêu rằng: "Ngươi nên nhất tâm chánh niệm mà đi thẳng đến đây, ta sẽ che chở cho ngươi, không sợ rơi vào nạn nước lửa."

Người này nghe được lời kêu gọi đó, thì liền tự trấn tỉnh thân tâm, quyết tâm tìm đường mà thẳng tiến, không sinh tâm khiếp sợ lui sụt.

Đi được một bước, hai bước, thì bên bờ Đông các tên cướp lại réo gọi: "Nhân giả, hãy quay lại! Con đường đó nguy hiểm, không thể đi qua được, chắc chắn sẽ bị chết ngay. Chúng tôi không có ác tâm đối với nhân giả."

Người lữ hành tuy nghe tiếng kêu mà không ngoảnh lại, chỉ nhất tâm thẳng tiến, nhớ đường mà đi. Chốc lát liền đến bờ Tây, thoát khỏi các nạn, gặp gỡ bạn lành, mừng vui không ngớt.

Đây là thí dụ. Giờ hãy áp dụng thí dụ:

'Bờ Đông' là dụ cho nhà lửa Ta-bà.

'Bờ Tây' là dụ cho nước báu Cực Lạc.

'Bọn cướp ngụy trang, thú dữ tiếp cận' là chỉ cho sáu căn, sáu thức, sáu trần, năm ấm, bốn đại.

Hai ***Môn***:

(1) Theo ra một cửa, tức là ra cửa phiền não.

(2) Theo vào một cửa, tức là vào cửa giải thoát trí tuệ.

Bốn ***Hữu duyên***:

'Nơi hoang dã đầm lầy không có bóng người' là dụ cho thường theo bạn ác, không gặp được thiện tri thức chân chánh.

'Hai sông nước lửa' là dụ cho chúng sanh có những tham lam, luyến ái như nước và những sân si, ganh ghét như lửa.

'Con đường trắng ở giữa, rộng bốn năm tấc' là dụ giữa tham sân phiền não của chúng sanh có thể sanh tâm thanh tịnh nguyện vãng sanh. Vì lòng tham sân mãnh liệt mà dụ cho 'nước và lửa', vì tâm thiện lành ít ỏi mà dụ cho 'con đường trắng'.

'Sóng nước thường làm ướt con đường' là dụ cho tâm luyến ái thường khởi làm cho nhiễm ô tâm thiện lành.

'Ngọn lửa thường đốt nóng con đường' là dụ cho tâm sân hận, ganh ghét, có công năng thiêu đốt các pháp tài công đức.

'Người lữ hành trên đường đi về hướng Tây' là dụ cho các hành nghiệp được hồi hướng về Tây phương.

'Bờ Đông nghe tiếng người khuyên bảo, hãy tìm con đường, tiến thẳng về hướng Tây' là dụ cho Đức Thích Ca đã diệt độ, người đời sau không thể gặp Phật, nhưng giáo pháp của Ngài vẫn tồn tại, có thể tìm gặp, và giáo pháp ấy giống như giọng nói.

'Đi được một bước, hai bước, thì các tên cướp réo gọi' là dụ cho những người có biệt giải, biệt hành, ác kiến v.v. họ nói ra những kiến giải sai lầm, luân phiên làm cho mê hoặc, rối loạn, khiến tự tạo tội mà lui sụt.

'Bờ Tây có người kêu gọi' là dụ cho ý nguyện của Đức Phật A Di Đà.

'Chốc lát liền đến bờ Tây, gặp gỡ bạn lành, vui mừng không ngớt' là dụ cho chúng sanh lâu xa chìm đắm sanh tử, nhiều kiếp luân hồi, mê đảo tự trói, vô phương giải thoát, kính nhờ Đức Phật Thích Ca khuyến khích, dạy hướng về Tây, lại nương tựa vào tâm từ bi của Đức Phật A Di Đà mời gọi. Hôm nay đã tin tưởng và tùy thuận ý nguyện của hai Đức Phật, không quay đầu lại nhìn 'hai sông nước lửa', niệm niệm không dời đổi, nương vào 'con đường' nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, sau khi qua đời, được sanh về Cực lạc, nhìn thấy Đức Phật, vui thích nào bằng.

Lại nữa, tất cả hành giả, khi đi đứng ngồi nằm, tu tập ba nghiệp, bất kể thời gian, dù ngày hay đêm, thường nhận thức như thế, thường nghĩ tưởng như thế, đó gọi là Hồi hướng phát nguyện tâm."

(1) Tại sao ông chướng ngại tôi bằng những yếu hành mà chẳng hữu duyên với tôi?

(2) Những gì tôi yêu thích chính là các hành mà hữu duyên với tôi, đó không phải những gì ông mong cầu.

(3) Những gì ông yêu thích chính là các hành mà hữu duyên với ông, đó không phải những gì tôi mong cầu.

(4) Nếu muốn hành học, thì chắc phải nhờ pháp hữu duyên, nỗ lực dụng công thì ít mà thu được lợi ích rất nhiều.

Hai ***Mong cầu***: (như 'mong cầu' ở văn trên.)

Hai ***Yêu thích***: (như 'yêu thích' ở văn trên.)

Hai ***Muốn học***:

(1) Hành giả nên biết: Nếu muốn giải học, từ phàm đến Thánh, cho đến quả Phật, thì thảy đều học được mà không gì trở ngại.

(2) Nếu muốn hành học, thì chắc phải nhờ pháp hữu duyên, nỗ lực dụng công thì ít mà thu được lợi ích rất nhiều.

Hai ***Chắc phải***: (như 'chắc phải' ở văn trên.)

[79]

Về ***Tâm thâm tín này***, có hai Hồi hướng[48]:

---

48 Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ: "Lại nữa, tất cả hành giả, khi đi đứng ngồi nằm, tu tập ba nghiệp, bất kể thời gian, dù ngày hay đêm, thường nhận thức như thế, thường nghĩ tưởng như thế, đó gọi là Hồi hướng phát nguyện tâm.

Lại nói về hồi hướng: Sau khi sanh về quốc độ ấy, phát khởi tâm đại bi, trở vào cõi sanh tử để giáo hóa chúng sanh, cũng gọi là hồi hướng."

(1) Thường nhận thức như thế, thường nghĩ tưởng như thế, gọi là Hồi hướng phát nguyện tâm.

(2) Lại nói về hồi hướng, sau khi sanh về quốc độ ấy, phát khởi tâm đại bi, trở vào cõi sanh tử để giáo hóa chúng sinh, cũng gọi là hồi hướng.

[80]

Về ***Hai sông***, là nói một thí dụ để gìn giữ tín tâm, ngăn ngừa các nạn ngoại tà, dị kiến.

"***Có một con đường [bắc ngang qua hai con sông], từ bờ Đông sang bờ Tây rộng hơn một trăm thước***."

Trăm thước: thí dụ con người có tuổi thọ 100 năm.

"***Có những tên cướp ẩn nấp và thú dữ rình rập ở đó.***"

Những tên cướp: chỉ cho biệt giải, biệt hành, dị kiến, dị chấp, ác kiến, tà tâm, tâm định tán tự lực.

Thú dữ: chỉ cho sáu căn, sáu thức, sáu trần, năm ấm, bốn đại.

"***Nơi hoang dã đầm lầy không có bóng người*** *là dụ cho thường theo bạn ác, không gặp được thiện tri thức chân chánh.*"

Thường theo bạn ác: Bạn ác là đối với bạn lành, là người hư giả tạp độc[49].

---

[49] Tịnh Độ Văn Loại Tụ Sao: "Mười phương chúng sanh có cái tâm uế ác, ô nhiễm nên không thanh tịnh, và có cái tâm hư giả, tạp độc nên không chân thật. Thế nên, Như Lai khi hành Bồ tát hạnh ở nhân vị, tu tập ba nghiệp, cho dù một niệm, một sát na toàn là cái tâm thanh tịnh và chân thật. Như Lai đem cái tâm thanh tịnh và chân thật hồi thí cho chúng sanh trong chư hữu."

Nơi hoang dã đầm lầy không có bóng người: là dụ cho bạn ác, không gặp được thiện tri thức chân chánh.

Chân chánh: đối lập *giả*, đối lập *ngụy*.

Thiện tri thức: đối lập *ác tri thức*.

Chân thiện tri thức, chánh thiện tri thức và thật thiện tri thức là người có thiện tánh, thiện thiện tri thức của thiện tri thức.

Ác tri thức là người có ác tánh, giả thiện tri thức, ngụy thiện tri thức, tà thiện tri thức, hư thiện tri thức, phi thiện tri thức, ác thiện tri thức.

"***Con đường trắng ở giữa, rộng bốn năm tấc.***"

Con đường trắng (bạch đạo): Trắng là đối với đen mà nói. Đạo (道) là đối với lộ (路) mà nói. Trắng, là sáu độ, vạn hạnh định tán; đó là tự lực tiểu thiện lộ. Đen, là sáu thú[50], bốn sanh[51], hai mươi lăm hữu[52], mười hai loại sanh[53], là hắc ác đạo.

---

[50] Sáu thú (六趣): địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la, nhân, thiên.

[51] Bốn sanh (四生): thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh.

[52] Nhị thập ngũ hữu (二十五有): Thế giới mê vọng luân hồi sanh tử được chia thành 25 Hữu (có), vì có nhân ắt có quả, nhân quả không mất nên gọi là Hữu. Hai mươi lăm hữu tức là 25 quả thể dị thục của các loài hữu tình trong 3 cõi. Đó là: (1) Địa ngục hữu. (2) Súc sinh hữu. (3) Ngạ quỷ hữu. (4) A tu la hữu. (5) Phất bà đề hữu. (6) Cù da ni hữu. (7) Uất đơn việt hữu. (8) Diêm phù đề hữu. (9) Tứ thiên xứ hữu. (10) Tam thập tam thiên xứ hữu. (11) Diệm ma thiên hữu. (12) Đâu suất thiên hữu. (13) Hóa lạc thiên hữu. (14) Tha hóa tự tại thiên hữu. (15) Sơ thiền hữu. (16) Đại phạm thiên hữu. (17) Nhị thiền hữu. (18) Tam thiền hữu. (19) Tứ thiền hữu. (20) Vô tưởng hữu. (21) Tịnh cư a na hàm hữu. (22) Không xứ hữu. (23) Thức xứ hữu. (24) Bất dụng xứ hữu. (25) Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu. Trong đường trời, 6 cõi Dục, 4 Thiền và 4 Vô sắc, mỗi cõi là 1 hữu; mở riêng cõi Đại phạm thuộc Sơ thiền, cõi Vô tưởng và Tịnh cư thuộc Tứ thiền, mỗi cõi là 1 hữu. Tổng kết, cõi Dục có 14 hữu, cõi Sắc có 7 hữu và cõi Vô sắc có 4 hữu.

[53] Thập nhị loại sanh (十二類生): Chỉ cho 12 loại hình thọ sanh của hữu tình do vọng tưởng điên đảo, khởi hoặc tạo nghiệp, rồi tùy nghiệp mà chiêu cảm quả báo khác nhau. Đó là: (1) Noãn sanh: Từ trong trứng sanh ra, như các loài cá, chim, rùa, rắn, v.v. (2) Thai sanh: Từ bào thai sanh ra, như các loài người, súc sinh, rồng, tiên, v.v. (3) Thấp sanh: Từ chỗ ẩm ướt sanh ra, như các loài côn trùng, giun dế, v.v. (4) Hóa

Bốn năm tấc: Bốn, ví cho bốn đại rắn độc. Năm, dụ cho năm ấm thú dữ.

"***Có thể sanh tâm thanh tịnh nguyện vãng sanh***": là phát khởi 'Vô thượng tín tâm', 'Kim cương chân tâm'. Đây là sự tín lạc vào Như Lai hồi hướng.

"***Đi được một bước, hai bước, [thì các tên cướp réo gọi]***": là dụ cho thời gian năm tháng.

"***Những người có biệt giải, biệt hành, ác kiến v.v. họ nói ra những kiến giải sai lầm, luân phiên làm cho mê hoặc, rối loạn, khiến tự tạo tội mà lui sụt.***": là chỉ cho những người kiêu mạn, giải đãi, tà kiến, nghi tâm.

[81]

"***Thêm nữa, bên bờ Tây cũng có người kêu rằng: 'Ngươi nên nhất tâm chánh niệm mà đi thẳng đến đây, ta có thể che chở cho ngươi, [không sợ rơi vào nạn nước lửa].***"

Bên bờ Tây cũng có người kêu rằng: là dụ cho thệ nguyện của A Di Đà Như Lai.

---

sanh: Tức từ không chợt có, bỏ hình cũ, đổi chất mới, như các loài lột xác bay đi trong hư không, như con tằm lột xác thành con ngài, con ngài hóa bướm, v.v. (5) Hữu sắc: Có hình sắc chướng ngại, như các loài hưu, cữu, tinh minh, v.v.; sao tốt là hưu, sao xấu là cữu; đom đóm, ngọc trai là tinh minh. (6) Vô sắc: Không có hình sắc, tức các loài không tán tiêu trầm, như ngoại đạo ở cõi Vô sắc. (7) Hữu tưởng: Tức từ sự nhớ tưởng mà sanh, như các loài quỉ thần tinh linh. (8) Vô tưởng: Tức tâm tưởng mê tối, không rõ biết gì, như các loài gỗ, đất, đá, vàng, v.v. như ngoại đạo Hoàng đầu hóa làm đá. (9) Phi hữu sắc: Tuy có hình sắc nhưng là mượn vật khác mà thành, tức như loài thủy mẫu lấy tôm làm mắt. (10) Phi vô sắc: Tức nhân âm thanh kêu gọi mà thành hình, như các loại chú trở yểm sanh. (11) Phi hữu tưởng: Mượn thân loài khác để thành loài của mình, tức loài nhờ các chất khác nhau mà thành, như bồ lô, v.v. (12) Phi vô tưởng: Tức tuy thân cậnmà thành oán hại, như loài chim Thổ kiêu đắp đất làm con, chim Phá kính ấp trái cây độc làm con, khi chim con thành hình thì chim bố mẹ đều bị chúng ăn thịt.

Ngươi: là hành giả, ở đây là 'Tất định Bồ tát'. Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa, Đại sĩ Long Thọ nói: "*Tức thời nhập Tất định.*" Tịnh Độ Luận Chú, Bồ tát Đàm Loan nói: "*Nhập vào hàng Chánh định tụ.*" Hòa thượng Thiện Đạo gọi là "*người tốt*", "*người tốt đẹp*", "*người thượng thượng*", "*người hiếm có*", "*người tối thắng*"[54], là "*đệ tử Phật chân thật*".

***Nhất tâm*:** là 'chân thật tín tâm'.

Chánh niệm: là niệm 'tuyển trạch nhiếp thủ bản nguyện', là niệm 'hành hiếm có bậc nhất'[55], là 'tâm Kim cương bất hoại tâm'.

Thẳng: là ngược với 'quanh co', 'ngoằn ngoèo'. Lại nữa, ***thẳng*** là từ bỏ *Phương tiện giả môn*, quay về *Như Lai đại nguyện tha lực*. ***Thẳng*** là muốn trình bày, nói thẳng ý định xuất thế của chư Phật.

Đến: là ngược với 'đi', 'đi qua'. Lại nữa, ***đến*** là muốn cho về đến Báo độ.

Ta: là Tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai, Bất Khả Tư Nghị Quang Phật.

Có thể: là ngược với 'không thể'.

Ngươi: là người có nghi tâm.

Che chở: là nói rõ chánh ý quả thành của Đức Phật A Di Đà, là miêu tả nghĩa 'nhiếp thủ bất xả'. Đó là nghĩa 'hiện đời hộ niệm'.

[82]

---

[54] Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ: "'Nếu là người niệm Phật', tức là người tốt trong loài người, là người tốt đẹp trong loài người, là người thượng thượng trong loài người, là người hiếm có trong loài người, là người tối thắng trong loài người."

[55] Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa: "Niệm hành hiếm có: Niệm 'hành hiếm có bậc nhất' của Bồ tát được Tất định mà tâm hoan hỷ. Đó là địa vị mà tất cả phàm phu không thể đạt được, là địa vị mà tất cả Thanh văn và Bích chi Phật không thể thực hành, nó khai thị 'pháp của Phật là vô ngại giải thoát bằng Tát-bà-nhã trí'."

"***Người lữ hành tuy nghe tiếng kêu mà không ngoảnh lại, chỉ nhất tâm thẳng tiến, nhớ đường mà đi. Chốc lát liền đến bờ Tây, thoát khỏi các nạn, gặp gỡ bạn lành, mừng vui không ngớt***."

Nhớ đường: là nhớ đến 'đường trắng Tha lực'.

Mừng vui (khánh lạc): Mừng, là nghĩa 'ấn khả' hay 'hoạch đắc'. Vui, là nghĩa 'duyệt hỷ', là 'hoan hỷ dũng dược' (hoan hỷ nhảy nhót/phấn chấn).

[83]

"***Kính nhờ Đức Phật Thích Ca khuyến khích, dạy hướng về Tây***": là 'thuận' vậy.

"***Lại nương vào bi tâm mời gọi của Đức Phật A Di Đà***" là 'tín' vậy.

"***Hôm nay đã tin tưởng và tùy thuận ý nguyện của hai Đức Phật, không quay đầu lại nhìn 'hai sông nước lửa', niệm niệm không dời đổi, nương vào 'con đường' nguyện lực của Đức Phật A Di Đà***"

[84]

Về **Chí thành tâm**: Nan dị đối, Bỉ thử đối, Khứ lai đối, Độc dược đối và Nội ngoại đối.

Nan dị đối: Nan, là ba nghiệp tu thiện bằng cái tâm không chân thật. Dị, là cái tâm [tín lạc] vào nguyện lực hồi hướng của Như Lai.

Bỉ thử đối: Bỉ, là Tịnh bang. Thử, là Uế quốc.

Khứ lai đối: Khứ, là Thích Ca Mâu Ni Phật. Lai, là A Di Đà Phật.

Độc dược đối: Độc, là thiện ác tạp tâm. Dược, là thuần nhất chuyên tâm.

Nội ngoại đối:

Nội ngoại đạo, ngoại Phật giáo.

Nội Thánh đạo, ngoại Tịnh độ.

Nội nghi tình, ngoại tín tâm.

Nội ác tánh, ngoại thiện tánh.

Nội tà ngoại chánh.

Nội hư ngoại thật.

Nội sai ngoại đúng.

Nội ngụy ngoại chân.

Nội tạp ngoại chuyên.

Nội ngu ngoại hiền.

Nội giả ngoại chân.

Nội thối ngoại tiến.

Nội sơ ngoại thân.

Nội viễn ngoại cận.

Nội quanh ngoại thẳng.

Nội làm trái ngoại làm theo.

Nội nghịch ngoại thuận.

Nội khinh ngoại trọng.

Nội thiển ngoại thâm.

Nội khổ ngoại lạc.

Nội độc ngoại dược.

Nội yếu đuối ngoại cứng rắn.

Nội giải đãi ngoại dũng mãnh.

Nội gián đoạn ngoại vô gián.

Nội tự lực ngoại tha lực.

[85]

Xét về **Tâm**, có hai thứ 'ba tâm':

(1) Tự lợi 'ba tâm'.

(2) Tha lợi 'ba tín'.

[86]

Lại có hai thứ **Vãng sanh**[56]:

(1) Tức vãng sanh.

(2) Tiện vãng sanh.

[87]

Lén xem 'ba tâm vãng sanh' của Quán Kinh, thì thấy 'ba tâm' của chư cơ tự lực có sai biệt, là để trở về 'ba tín' của Đại Kinh[57], và khuyến dụ chư cơ để thông nhập 'ba tín'.

Ba tín: đây là Kim cương chân tâm, là Bất khả tư nghị tín tâm hải.

Tức vãng sanh: đây là Nan tư nghị vãng sanh chân Báo độ.

Tiện vãng sanh: tức là Chư cơ sai biệt nghiệp nhân quả làm thành độ.

Thai cung biên địa Giải mạn giới, ***Song thọ lâm hạ vãng sanh*** cũng là ***Nan tư vãng sanh***.[58]

---

56 Tại Nhật Bản, trong Tây Sơn Tịnh độ tông (西山淨土宗) có lưu hành hai thuyết về vãng sanh là Tức Tiện Vãng Sanh (卽便往生) và Đương Đắc Vãng Sanh (當得往生). Tịnh độ Chân tông thì chủ trương thuyết Hóa sanh vãng sanh về Chân thật Báo độ và Thai sanh vãng sanh về Phương tiện Hóa độ.

57 Tam tín tam bất (三信三不): Cũng gọi Tam bất tam tín (三不三信). Chỉ cho tam tín tâm và tam bất tín tâm do ngài Đàm Loan thuộc tông Tịnh độ của Phật giáo Trung quốc nêu ra. Tam tín tâm là: 1. Thuần tâm: Tâm có niềm tin bền vững; 2. Nhất tâm: Tâm chỉ tin không nghi; 3. Tương tục tâm: Tâm liên tục không gián đoạn. Trái lại, tín tâm không thuần, tín tâm bất nhất, tín tâm không tương tục thì gọi là Tam bất tín. Nếu phối hợp Tam tín này với Tam tâm thì Thuần tâm lìa hư giả không thật, hợp với Chí tâm; Nhất tâm thì chuyên nhất không hai, phối với Tín lạc; còn Tương tục tâm thì không bị dị học, dị kiến làm tổn hại, phối với Dục sanh tâm.

58 Nan tư nghị vãng sanh (難思議往生): Chỉ cho sự vãng sanh khó nghĩ bàn, tức nhờ lòng tin vào hoằng nguyện tha lực của Đức Phật A Di Đà mà được vãng sanh, là 1 trong 3 thuyết vãng sanh của Tịnh độ

Nên biết như vậy.

Viết vào niên hiệu Kiến Trường thứ 7, ngày 27 tháng 8 năm Ất Mão (1255).

Ngu Ngốc Thân Loan, 83 tuổi.

---

chân tông Nhật bản. Do lòng tin vào tha lực hồi hướng được sanh về cõi Thật báo trang nghiêm của Đức Phật A Di Đà, đó chẳng phải là việc mà phàm phu nói bàn, suy nghĩ có thể biết được, cho nên gọi là Nan tư nghị vãng sanh. Tông này còn lập ra 2 thuyết vãng sanh khác: (1) Nan tư vãng sinh: Nhờ nhân tự lực niệm Phật mà được sinh vào Nghi thành Thai cung (疑城胎宮) ở chỗ biên giới cõi Tịnh độ, tức là Hóa độ của đức Phật A Di Đà, được hưởng vô lượng sự an lạc chẳng thể nghĩ bàn, theo như lời nguyện thứ 20 của Ngài. Vì loại tự lực vãng sanh này không thù thắng bằng tha lực vãng sanh đã nói ở trên, cho nên gọi là Nan tư. (2) Song thọ lâm hạ vãng sanh: Lấy việc hóa thân của đức Thích Ca nhập diệt ở rừng Sa la song thọ để ví dụ sự vãng sanh về cõi Phương tiện hóa độ của Đức Phật A Di Đà, theo lời nguyện thứ 19 của Ngài.